

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (vật tư chuyên khoa Gây mê hồi sức) theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (vật tư chuyên khoa Gây mê hồi sức)
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
 - Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP HCM
 - Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP HCM
 - Cơ sở 3: 221B Hoàng Văn Thụ, Phường 8, Q. Phú Nhuận, TP HCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9 giờ, ngày 18/10/2024
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị - Tổ Vật tư y tế tiêu hao, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan Số điện thoại: 028.3952 5243
10. Yêu cầu khác:
Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:
 - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
 - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
 - + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (M04-050-lctthao) (02).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



CÔNG TY.....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Thông tin và số điện thoại người liên hệ:

Mẫu chào giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ											Ghi chú
	TT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thiết bị y tế/Tên vật tư thiết bị theo quyết định 5086/QĐ-BYT	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	
														Hợp đồng trúng thầu số...ngày... tại Bệnh viện... , giá trúng thầu: ... (nếu có)

- Báo giá này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày báo giá.

- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC PHẠM VI CUNG CẤP VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO NĂM 2025 (VẬT TƯ CHUYÊN KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC)

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo phẫu thuật, cỡ 160 x 140 cm	Áo phẫu thuật - Chất liệu vải không dệt SMMMS, tối thiểu 35 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3, chống tĩnh điện - Kích thước 160 x 140 cm ($\pm 10\%$) - Các đường nối được ép chắc chắn - Có tối thiểu 2 khăn thấm, kích thước 40 x 40 cm ($\pm 10\%$) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100.000
2	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở, 80 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 80 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.5 - 2.5 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
3	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở, 75 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 75 mm + Chiều cao ghim sau đóng điều chỉnh được 3 mức khoảng 1.5 - 2.0 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.200
4	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, đầu móc, 30 mm, 45 mm, 60 mm, chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 30 mm, 45 mm, 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 2 - 3 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Đầu móc - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	222
5	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, đầu móc, 60 mm, chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Đầu móc - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
6	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 30 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 30 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 2 - 3 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	96

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
7	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 45 mm, tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 2 - 3 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	200
8	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước: + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	528
9	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	1.248
10	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.7 - 1.9 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.7 - 1.9 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
11	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.9 - 2.1 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.9 - 2.1 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
12	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3.000

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
13	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.2 - 1.8 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim từ 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nổi thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	12
14	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nổi thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	324
15	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nổi thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
16	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.7 - 1.9 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.7 - 1.9 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nổi thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
17	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.9 - 2.1 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.9 - 2.1 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nổi thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	5
18	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.2 - 1.8 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước: + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim + Chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	500

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
19	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, nội soi, 45 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nổi thẳng, nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước: + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
20	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng, mổ mở	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng, mổ mở - Chất liệu ghim: titanium - Chiều dài băng ghim 30 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim - Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1 - 1.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	6
21	Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 10 túi	Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 10 túi - Bảng kiểm gồm 2 lớp: + Lớp phía trước: nylon, trong suốt và in các con số và các đường viền túi + Lớp phía sau: giấy chống thấm - Kích thước: + Bảng đếm gạc: * Chiều ngang 32 ± 01 cm * Chiều cao 78 ± 01 cm + Kích thước túi: * Chiều ngang 15 ± 01 cm * Chiều cao 12 ± 01 cm - Có 10 túi, 05 hàng, mỗi hàng 02 túi, chứa tối thiểu 10 miếng gạc - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.500
22	Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 15 túi	Bảng đếm gạc phẫu thuật loại 15 túi - Bảng kiểm gồm 2 lớp: + Lớp phía trước: nylon, trong suốt và in các con số và các đường viền túi + Lớp phía sau: giấy chống thấm - Kích thước: + Bảng đếm gạc: * Chiều ngang 50 ± 01 cm * Chiều cao 80 ± 01 cm + Kích thước túi: * Chiều ngang 15 ± 01 cm * Chiều cao 12 ± 01 cm - Có 15 túi, 05 hàng, mỗi hàng 02 túi, chứa tối thiểu 15 miếng gạc - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2.650
23	Bao chỉ dưới co dẫn	Bao chỉ dưới co dẫn - Chất liệu bằng thun - Kích thước 15 cm x 140 cm (± 02 cm) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	980
24	Bao chỉ trên co dẫn	Bao chỉ trên co dẫn - Chất liệu bằng thun - Kích thước 10 cm x 95 cm (± 02 cm) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.020
25	Bao chụp đầu đèn	Bao chụp đầu đèn - Chất liệu nhựa trong suốt - Đường kính khoảng 60 - 65 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	7.000
26	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Dụng cụ cắt bao quy đầu - Chất liệu ghim và lưỡi dao tròn bằng thép không gỉ - Thiết kế dạng súng ngắn (pistol) - Tay cầm linh hoạt làm bằng nhựa - Đầu chụp không có vòng silicon - Kích thước gồm: 12 mm, 15 mm, 18 mm, 21 mm, 26 mm, 30 mm, 36 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	350

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
27	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính 0.025 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu - Chất liệu: lõi bằng Nitinol - Phủ lớp ưa nước (Hydrophilic) - Đường kính khoảng 0.025 - 0.035" - Chiều dài tối thiểu 150 cm - Chịu được lực xoắn, không bị gãy - Chiều dài đầu dây dẫn khoảng 3 - 5 cm - Có cán quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	2.050
28	Ống nội soi mềm, đường kính 3 - 3.5 mm	Ống nội soi mềm - Một vỏ bọc nhựa, lõi bằng kim loại - Chiều dài làm việc khoảng 630 - 650 mm - Đường kính ống soi khoảng 3 - 3.5 mm - Kích thước kênh làm việc khoảng 1 - 1.2 mm. - Mật độ điểm ảnh khoảng 160.000 - 170.000 Pixels. Có nút thao tác ghi hình, chụp ảnh trên ống soi - Góc uốn khoảng -270° - +270°, 2 chiều - Thời gian sử dụng tối thiểu 3 giờ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	103
29	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ, áp lực 120 - 125 mbar, 250 - 260 ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ - Bộ dẫn lưu bao gồm: * Bình chứa: chất liệu polyetylen * Ống dẫn lưu, ống nối, nắp bình: + Chất liệu PVC + Chiều dài: - Ống dẫn lưu dài khoảng 800 - 820 mm - Ống nối dài khoảng 100 - 125 cm * Trocar: bằng thép không gỉ - Dung tích khoảng 250 - 260 ml - Áp lực khoảng 120 - 125 mbar - Có van chống trào ngược, ngăn tình trạng nhiễm trùng ngược - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	4.680
30	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ, áp lực 900 - 950 mbar, 400 - 450 ml	Bộ đặt dẫn lưu vết mổ - Bộ dẫn lưu bao gồm: * Bình chứa: chất liệu polyetylen * Ống dẫn lưu, ống nối, nắp bình: + Chất liệu PVC + Chiều dài: - Ống dẫn lưu dài khoảng 800 - 820 mm - Ống nối dài khoảng 100 - 125 cm * Trocar: bằng thép không gỉ - Dung tích khoảng 400 - 450 ml - Áp lực khoảng 900 - 950 mbar - Có van chống trào ngược, ngăn tình trạng nhiễm trùng ngược - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	270
31	Bình đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, 450 - 500 ml	Bình đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm - Chất liệu: silicon - Có van một chiều loại bỏ nguy cơ trào ngược máu hoặc dịch tiết - Dung tích khoảng 450 - 500 ml - Dạng lò xo nén - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	1.800

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
32	Bình đặt dẫn lưu vết mổ, 100 - 110 ml	Bình đặt dẫn lưu vết mổ - Chất liệu bằng silicon - Dung tích khoảng 100 - 110 ml - Có van chống trào ngược, dạng bơm hút chân không - Có móc treo - Tiết khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với ống dẫn lưu vết mổ silicon cỡ 10 - 12 Fr cùng hãng	Bộ	320
33	Bộ dây bơm cho tay dao 23 kHz	Bộ dây bơm cho tay dao 23 kHz - Chất liệu bằng silicon - Tốc độ bơm khoảng 1 - 10 ml/phút (cc/phút) - Tốc độ tưới nhanh khoảng 25 - 30 ml/phút (cc/phút) - Chịu được áp lực ≥ 650 mmHg - Tương thích tay dao CUSA 23 kHz hiện có tại bệnh viện - Đánh dấu màu phân biệt cho đường bơm phun dịch và đường hút - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	450
34	Bộ dây dẫn khí 2 bể nước dùng cho máy thở, các cỡ	Bộ dây dẫn khí 2 bể nước dùng cho máy thở, các cỡ Bộ dây bao gồm: - 05 đoạn ống nối - 01 co chữ Y có 2 cổng kiểm soát - 01 co thẳng đường kính 2 đầu 22mm, kiểu Male - Co nối dạng khuỷu tay (co L), có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO2 - Chất liệu Polypropylen hoặc Polyethylen - Thành ống dạng gợn sóng - Đường kính dây khoảng 15 – 22 mm, chiều dài tối thiểu 1.5 m - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	300
35	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê kèm dây nối bóng giúp thở, người lớn	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê kèm dây nối bóng giúp thở, người lớn - Bộ dây bao gồm : + Thiết kế 2 dây song song, co dẫn được (điều chỉnh theo ý người sử dụng). Chiều dài kéo dẫn mỗi dây ít nhất 1.5 m, đường kính mỗi dây 22 mm. + 01 co chữ Y + 01 co thẳng đường kính 2 đầu 22 mm + 01 dây nối bóng giúp thở dài ít nhất 0.8 m, hai đầu có co 22 mm + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L), có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO2 - Chất liệu: Nhựa Polypropylen hoặc Polyethylen - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	8.100
36	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, người lớn	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, người lớn - Bộ dây bao gồm: + Thiết kế 2 dây song song, co dẫn được (điều chỉnh theo ý người sử dụng), kết nối với co chữ Y, đường kính mỗi dây 22 mm, chiều dài mỗi dây khi kéo dẫn ít nhất 1.5 m. + Co nối dạng khuỷu tay (co L) có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO2 - Chất liệu: Nhựa Polypropylen hoặc Polyethylen - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	22.000
37	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em	Bộ dây dẫn khí dùng cho máy gây mê, trẻ em - Chất liệu PVC và PE - Bộ dây bao gồm: + Thiết kế 02 dây song song, co dẫn được (điều chỉnh theo ý người sử dụng), chiều dài mỗi dây khi kéo dẫn ít nhất 1.2 m, đường kính mỗi dây 15 mm. + 01 một co Y có 2 cổng kiểm soát + 01 co thẳng đường kính 2 đầu 22 mm, kiểu Male (22 mm M) + 01 dây nối bóng giúp thở dài ít nhất 0.8 m + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) có thể xoay chiều, có cổng Luer lock lấy mẫu khí đo CO2, cổng nối thiết bị hỗ trợ (ống NKQ, ống nối), có 2 vòng: vòng ngoài đường kính 22 mm, kiểu Male, vòng trong đường kính 15 mm, kiểu Female (22M/15F) - Chất liệu: Nhựa Polypropylen hoặc Polyethylen - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	670

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
38	Bộ dây thở Mapleson C người lớn	Bộ dây thở người lớn (thể thở Mapleson C) - Bộ dây bao gồm + 01 dây thở dài tối thiểu 1.8 m + 01 van điều chỉnh áp lực + 01 bóng giúp thở khoảng 2 - 3 lít + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) + 01 co thẳng nối nguồn oxy, dẻo, mềm, đường kính khoảng 6 - 9 mm - Chất liệu: Nhựa tổng hợp - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	270
39	Bộ dây thở Mapleson F trẻ em	Bộ dây thở trẻ em (thể thở Mapleson F) - Bộ dây bao gồm + 01 dây thở dài tối thiểu 1.8 m + 01 van điều chỉnh áp lực + 01 bóng giúp thở khoảng 0.5 - 1 lít + 01 co nối dạng khuỷu tay (co L) + 01 co thẳng nối nguồn oxy, dẻo, mềm, đường kính khoảng 6 - 9 mm - Chất liệu: Nhựa tổng hợp - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	55
40	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn, 2 đường - Bộ đo bao gồm: bộ dây truyền tĩnh mạch chia đôi, 02 bộ cảm biến đo áp lực kèm 02 dây cáp, 02 dây nối chịu áp lực, chiều dài mỗi dây ít nhất 120 cm, 04 khóa ba ngã. - Chất liệu: nhựa tổng hợp - Phạm vi đo áp lực khoảng -50 - +300 mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy monitor EV1000 tại Bệnh viện.	Bộ	85
41	Bộ đón bé chào đời	Bộ đón bé chào đời - Bộ đón bé bao gồm: + 01 Áo sơ sinh dài tay, kích thước: dài 27 cm, rộng 27 cm, tay dài 18 cm, có dây cột ngang áo + 01 Tã vải có miếng dán để cố định phía trước bụng (chiều dài từ phía trước ra sau 33 cm, chiều rộng mặt lưng 30 cm, chiều rộng mặt bụng 16 cm, chiều rộng đáy 10 cm) + 01 Nón: phần đầu 16 x 16 cm, phần thun 5 x 16 cm + 02 Bao tay: 7 x 8 cm, phần thun 3 x 5 cm + 02 Bao chân: rộng 9 cm, cao 4 cm, bàn chân 10 cm, phần thun 3 x 4 cm + 01 Khăn lông quần bé 70 x 140 cm + 02 Khăn sữa 25 x 30 cm, 2 - 3 lớp + 01 Khăn thấm 80 x 100 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm - Chất liệu: cotton, các phần bo bằng chất liệu thun - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Lưu ý: * Logo bệnh viện ĐHYD TPHCM được in/thêu trên nón, áo và khăn bông quần bé màu xanh dương; * Gồm 2 màu xanh dương và màu hồng * Không ra màu khi ngâm nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	11.100
42	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, catheter dài 80 $\pm$ 01 mm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch dùng đo huyết áp động mạch xâm lấn - Bộ dụng cụ bao gồm: * Kim bằng thép không gỉ, dài 50 $\pm$ 01 mm * Catheter bằng Fluorinated ethylene propylene (FEP), cỡ 20G, 22G, dài 80 $\pm$ 01 mm, catheter có cánh để cố định có chỉ thị màu theo kích cỡ, có khóa luer lock. * Dây dẫn đường bằng thép không gỉ, dài 250 $\pm$ 10 mm, 1 đầu mềm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	6.900

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
43	Bộ gây tê đám rối thần kinh, dưới siêu âm, cỡ 18G dài khoảng 50 - 100 mm	Bộ gây tê đám rối thần kinh, dưới siêu âm - Bộ gây tê bao gồm: Kim cỡ 18G dài khoảng 50 - 100 mm, Catheter cỡ 20G dài khoảng 50 - 90 cm, dụng cụ cố định catheter với bộ lọc, kẹp nối catheter, bộ lọc có kích thước khoảng 0.1 - 0.2 μm, dây nối tiêm thuốc. - Chất liệu: + Kim bằng thép không gỉ + Catheter bằng polyamid - Đặc điểm: Kim đầu tù, hiển thị dưới siêu âm, có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. Catheter cân quang, có vạch đánh dấu độ dài, lỗ mở trung tâm cho phép dòng chảy liên tục - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	80
44	Bộ gây tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống, cỡ 18G	Bộ gây tê ngoài màng cứng kết hợp tủy sống - Bộ gây tê bao gồm: * Kim gây tê ngoài màng cứng bằng thép không gỉ, đầu cong cỡ 18G, dài khoảng 85 - 90 mm * Kim gây tê tủy sống bằng thép không gỉ, cỡ 27G, dài khoảng 120 - 130 mm, chuỗi kim trong suốt, có nhiều rãnh * Catheter cỡ 20G, bằng polyamid, không bị gãy gấp, dài khoảng 1000 - 1200 mm, có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Có bơm tiêm kiểm tra kháng lực - Màng lọc với kích thước lỗ lọc khoảng 0.1 - 0.2 μm kèm miếng dán cố định bộ lọc - Có khay đựng các phụ kiện kèm theo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	170
45	Bộ gây tê ngoài màng cứng, cỡ 18G	Bộ gây tê ngoài màng cứng - Bộ gây tê bao gồm: * Kim bằng thép không gỉ, đầu cong, cỡ 18G, dài khoảng 80 - 90 mm * Catheter cỡ 20G bằng polyamid và polyurethan, dài khoảng 1000 - 1200 mm, đầu thuôn nhỏ dần, có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Có bơm tiêm kiểm tra kháng lực - Màng lọc với kích thước lỗ lọc khoảng 0.1 - 0.2 μm kèm miếng dán cố định bộ lọc - Có khay đựng các phụ kiện kèm theo - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	5.400
46	Bộ khăn cắt đốt nội soi đoạn qua niệu đạo	Bộ khăn cắt đốt nội soi đoạn qua niệu đạo - Bộ khăn bao gồm: + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm + 2 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm + Có bao phủ chi + Có túi chứa dịch lỏng với màng lọc và ống nối + Có băng keo y tế - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 40 gsm, chống thấm, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước: chiều ngang đầu trên khăn 180 cm, chiều ngang đầu dưới khăn 180 cm, chiều dài toàn bộ khăn 240 cm - Có lỗ tròn khoảng 7 - 8 cm - Có màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo, dính chặt, lỗ bầu dục 8 x 5 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm$ 5% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	770

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
47	Bộ khăn chụp mạch não	Bộ khăn chụp mạch não - Bộ khăn bao gồm: + 1 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 30 gsm) + 1 khăn chụp mạch máu có 3 lỗ và có túi chứa dịch: * Kích thước khăn 240 x 370 cm, chất liệu SMMMS tối thiểu 30 gsm và gia cố vải bán thấm tối thiểu 100 gsm * 02 lỗ dùi đường kính 7 cm, 01 lỗ tay đường kính 6 cm * Túi chứa dịch bên phía thủ thuật viên đứng, kích thước: rộng khoảng 25 - 35 cm, dài khoảng 100 - 150 cm, chất liệu nhựa, hình chữ nhật + 2 áo phẫu thuật size L 135 x 160 cm, chất liệu vải không dệt SMMMS tối thiểu 30 gsm + 1 khăn lót 50 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 100 gsm + 10 khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm + 1 bao kính chắn chì 80 x 90 cm (có thun), chất liệu nhựa + 1 tấm phủ chắn chì 140 x 150 cm, chất liệu nhựa + 1 bao chụp đầu đèn size M, đường kính 65 cm, chất liệu nhựa + 1 bao remote 10 x 26 cm, chất liệu nhựa + 1 khăn phủ vùng sinh dục 15 x 30 cm, chất liệu nhựa + 1 chén 1000 ml, 2 chén 100 ml, 1 chén 50 ml + 2 khay 20 x 10 x 6 cm + 1 khay lớn 35 x 43 x 11 cm + 1 bơm tiêm luer lock 10 ml, 2 bơm tiêm thường 10 ml + 10 gạc cotton khoảng 8 - 12 lớp + 1 kim chính 23G, 1 kim chính 18G + 2 que thấm betadine dài 19 cm + 1 bông cầm máu: chất liệu polypropylene, polyethylene, kích thước 30 mm x 35 mm x 60 mm, có độ cứng tối thiểu 25 N, tiết khuẩn - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI mức tối thiểu mức 3, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	5.000
48	Bộ khăn chụp mạch vành	Bộ khăn chụp mạch vành, - Bộ khăn bao gồm: + 1 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS 35 - 50 gsm) + 1 khăn chụp mạch máu có 3 lỗ và có túi chứa dịch * kích thước khăn 240 x 370 cm, chất liệu SMMMS tối thiểu 30 gsm và gia cố vải bán thấm tối thiểu 100 gsm * 02 lỗ dùi đường kính 7 cm, 01 lỗ tay đường kính 6 cm * túi chứa dịch bên phía thủ thuật viên đứng, kích thước: rộng khoảng 25 - 35 cm, dài khoảng 100 - 150 cm, chất liệu nhựa, hình chữ nhật + 2 áo phẫu thuật size L 135 x 160 cm, chất liệu vải không dệt SMMMS tối thiểu 30 gsm + 1 khăn lót 50 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 100 gsm + 10 khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm + 1 bao kính chắn chì 80 x 90 cm (có thun), chất liệu nhựa + 1 tấm phủ chắn chì 140 x 150 cm, chất liệu nhựa + 1 bao chụp đầu đèn size M, đường kính 65 cm, chất liệu nhựa + 1 bao remote 10 x 26 cm, chất liệu nhựa + 1 khăn phủ vùng sinh dục 15 x 30 cm, chất liệu nhựa + 1 chén 1000 ml, 2 chén 100 ml, 1 chén 50 ml + 2 khay 20 x 10 x 6 cm + 1 bơm tiêm luer lock 10 ml, 1 bơm tiêm thường 10 ml + 10 gạc cotton khoảng 8 - 12 lớp + 1 kim chính 23G + 1 kim chính 18G + 2 que thấm betadine 19 cm + 1 bông cầm máu: chất liệu polypropylene, polyethylene, kích thước 15 mm x 22 mm x 35 mm, có độ cứng tối thiểu 33 N - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiết khuẩn	Bộ	4.500
49	Bộ khăn gây tê ngoài màng cứng	Bộ khăn gây tê ngoài màng cứng - Bộ khăn bao gồm: * 1 khay có 4 ngăn chứa dung dịch * 3 - 4 miếng gạc không dệt, khoảng 8 - 10 lớp * 5 - 6 gòn viên, đường kính khoảng 3 - 4 cm * 1 kẹp bông sát khuẩn, dài khoảng 19 - 20 cm * 1 khăn có lỗ tròn 8 cm, 100 x 100 cm, chất liệu vải bán thấm * 1 khăn thấm 33 x 40 cm * 1 khăn trải bàn dụng cụ - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	3.500

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
50	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da - Bộ khăn bao gồm: + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm + 2 Khăn mổ thận lấy sỏi qua da 200 x 270 cm + 1 Khăn có keo 80 x 200 cm + 2 Khăn thấm 30 x 40 cm + 1 Bao chụp đầu đèn, kích cỡ L, đường kính khoảng 75 - 80 cm + Màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo dính chặt + Túi chứa dịch lỏng với màng lọc và co nổi - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 40 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Cấu tạo lỗ 15 x 15 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	300
51	Bộ khăn phẫu thuật chi	Bộ khăn phẫu thuật chi - Bộ khăn bao gồm: + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm + 1 Băng keo 9 x 50 cm + 1 Khăn phẫu thuật chi 240 x 310 cm + 1 Khăn hình chữ T có lỗ dẫn hồi đường kính 6 cm + Có vị trí cố định các ống dây + 1 Khăn tiếp cận 80 x 100 cm + 1 Khăn thấm 30 x 40 cm + 1 Bao chi dưới 28 x 85 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chi thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	1.800
52	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan - Bộ khăn bao gồm: + 2 Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMS 200 x 300 cm + 4 Khăn thấm 30 x 40 cm + 1 Khăn phủ bàn mayo 2 lớp được cấu tạo từ nhựa và được gia cố lớp bán thấm 80 x 145 cm + 1 Khăn phẫu thuật ghép gan chất liệu thấm mặt trên, có kích thước: chiều ngang đầu trên khăn 200 cm, chiều ngang đầu dưới khăn 285 cm, chiều dài toàn bộ khăn 380 cm, có vùng phẫu trường 70 x 100 cm, có vùng siêu thấm và băng keo + 1 băng keo 9 x 50 cm - Chất liệu vải bán thấm cao cấp tối thiểu 60 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	54
53	Bộ khăn phẫu thuật hiển gan	Bộ khăn phẫu thuật hiển gan - Bộ khăn bao gồm + 2 Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMS 200 x 300 cm + 4 Khăn thấm 30 x 40 cm + 1 Khăn phủ bàn mayo 2 lớp được cấu tạo từ nhựa và được gia cố lớp bán thấm 80 x 145 cm + 1 Băng keo 9 x 50 cm + 1 Khăn phủ đầu 150 x 250 cm + 1 Khăn phủ chân 180 x 200 cm + 2 Khăn phủ bên 80 x 98 cm - Chất liệu vải bán thấm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	180

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
54	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành - Bộ khăn bao gồm: + 2 khăn trái bàn dụng cụ 160 x 220 cm + 1 khăn trái bàn dụng cụ 120 x 140 cm + 1 khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35 cm + 6 khăn có keo 80 x 120 cm + 1 khăn phủ đầu 230 x 280 cm (Trong đó vải không dệt 170 x 280 cm, nylon trong suốt 60 x 280 cm) + 1 khăn phủ chân 160 x 230 cm + 2 khăn phủ bên 100 x 150 cm + 2 khăn không keo thấm 30 x 35 cm + 1 khăn phủ dụng cụ 150 x 160 cm + 1 khăn phủ dụng cụ có keo 100 x 200 cm + 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm, có 2 ngăn + 1 túi kim chỉ 18 x 20 cm: nhựa trong + 2 băng keo 9 x 50 cm + 1 khăn trái bàn 140 x 200 cm: nhựa trong - Chất liệu bằng vải không dệt SMMMS tối thiểu 40 gsm, chống thấm, chống tĩnh điện - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	160
55	Bộ khăn phẫu thuật mắt	Bộ khăn phẫu thuật mắt - Bộ khăn bao gồm: 1 Khăn trái bàn dụng cụ 50 x 80 cm 1 Khăn phẫu thuật mắt 100 x 100 cm, có túi chứa dịch và màng phẫu thuật - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp tối thiểu 40 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn bằng đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2.100
56	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối - Bộ khăn bao gồm: * 1 Khăn trái bàn dụng cụ 140 x 200 cm * 1 Khăn nội soi khớp gối 240 x 270 cm * Có túi chứa dịch chứa tối thiểu 50 lít * 2 Băng keo 9 x 50 cm * 2 Khăn thấm 30 x 40 cm * 1 Bao chỉ dưới 28 x 85 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 40 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	1.300
57	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai - Bộ khăn bao gồm: * 1 Khăn trái bàn dụng cụ 140 x 200 cm * 1 Khăn U nhựa 160 x 230 cm, rãnh hình chữ U 12 x 75 cm có dán băng keo y tế * 1 Khăn nội soi khớp vai có túi chứa dịch 160 x 230 cm, có ống nối * 1 Băng keo 9 x 50 cm * 1 Bao chỉ trên 23 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài * 2 Khăn thấm 30 x 40 cm - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 40 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	650

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
58	Bộ khăn phẫu thuật sọ	Bộ khăn phẫu thuật sọ - Bộ khăn bao gồm: * 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm * 1 Khăn phẫu thuật sọ 250 x 300 cm, với vùng thấm mòng vừa đủ kích thước 40 x 45 cm * Màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo, dính tốt, kích thước 20 x 25 cm * Túi chứa dịch lỏng có nút xả (không có dây, miệng túi 70 cm, cao 40 cm) * Tấm cố định ống dây * 1 Khăn đa dụng 70 x 160 cm * 4 Khăn có keo 45 x 60 cm * 1 Băng keo 9 x 50 cm * 2 Khăn thấm 30 x 40 cm - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	1.100
59	Bộ khăn phẫu thuật tim hở người lớn	Bộ khăn phẫu thuật tim hở người lớn - Bộ khăn bao gồm: 2 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 280 cm 1 khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35 cm 5 khăn có keo 100 x 120 cm 1 khăn phủ đầu 200 x 250 cm (Trong đó vải không dệt 150 x 250 cm, nylon trong suốt 50 x 250 cm) 1 khăn phủ chân 300 x 350 cm 2 khăn phủ bên 100 x 140 cm 2 khăn không keo thấm 30 x 35 cm 2 khăn không keo 100 x 100 cm 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm 1 túi kim chỉ 15 x 20 cm 2 băng keo 9 x 50 cm 4 khăn thấm 30 x 40 cm - Chất liệu vải không dệt SMMMS, chống tĩnh điện, chống thấm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	600
60	Bộ khăn phẫu thuật tim hở trẻ em	Bộ khăn phẫu thuật tim hở trẻ em - Bộ khăn bao gồm: 2 khăn phủ bàn dụng cụ 160 x 200 cm 1 khăn phủ vùng sinh dục 12 x 20 cm 2 khăn không keo thấm 30 x 35 cm 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm, có 2 ngăn 6 băng keo 10 x 50 cm 2 khăn phủ bên 100 x 140 cm 1 khăn phủ dưới chân 200 x 250 cm 1 khăn phủ trên đầu 150 x 230 cm (Trong đó vải không dệt 100 x 230 cm, nylon trong suốt 50 x 230 cm) 4 khăn có keo 80 x 120 cm 4 khăn thấm 40 x 57 cm, chất liệu vải siêu thấm 1 khăn phủ dụng cụ 150 x 160 cm 1 khăn không keo 90 x 100 cm 1 túi kim chỉ 20 x 18 cm - Chất liệu vải không dệt, không thấm, chống tĩnh điện - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	300

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
61	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát - Bộ khăn bao gồm: * 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm * 1 Băng keo 9 x 50 cm * 4 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm * 1 Khăn phủ đầu 160 x 250 cm * 2 Khăn phủ bên 100 x 120 cm * 1 Khăn phủ chân 180 x 200 cm * 1 Túi kim chỉ * 1 Màng phẫu thuật 28 x 30 cm, chất liệu PU mỏng dẻo, bấm dính - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 40 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2.400
62	Bộ khăn sanh mổ có túi	Bộ khăn sanh mổ có túi Bộ khăn bao gồm: - 1 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 30 gsm) - 1 Khăn sanh mổ có túi chứa dịch: + khăn sanh mổ: * Kích thước 240 x 455 cm * Chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới, có vùng thấm hút đặc biệt xung quanh phẫu trường + Màng phẫu thuật: * Kích thước 30 x 32 cm * Chất liệu Polyurethane mỏng dẻo, dính chặt khi phẫu thuật + Túi chứa dịch * kích thước 75 x 105 cm * chất liệu nhựa * có vạch chia chính xác từng ml, chứa tối đa 2000 ml - 2 Khăn lót nôi 100 x 120 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm - 4 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm - 2 Khăn em bé 90 x 120 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	7.100
63	Bộ khăn sanh thường	Bộ khăn sanh thường - Bộ khăn bao gồm: - 1 khăn trải bàn dụng cụ 120 x 140 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 30 gsm) - 2 tấm phủ 80 x 100 cm, chất liệu vải SMMMS tối thiểu 30 gsm, có băng keo y tế không dị ứng da - 1 khăn trải dưới mỏng có túi chứa dịch: + kích thước khăn 80 x 120 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm + túi chứa dịch: * kích thước 55 x 80 cm * chất liệu nhựa * có vạch chia chính xác từng ml, chứa tối đa 2000 ml - 3 khăn lót bán thấm 80 x 80 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm - 1 khăn lót bán thấm 60 x 60 cm, chất liệu vải bán thấm tối thiểu 60 gsm - 2 khăn lau bé 80 x 80 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Chống thấm nước đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3, chống thấm cồn - Các đường nối được ép chắc chắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	4.000

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
64	Bộ khăn phụ khoa	Bộ khăn phụ khoa - Bộ khăn bao gồm: - 1 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp SMMMS tối thiểu 40 gsm) - 1 Khăn phụ khoa có lỗ và túi chứa dịch: + Khăn phụ khoa có lỗ: * kích thước khăn: - chiều ngang phần trên (từ rốn lên đầu) 180 cm - chiều ngang phần dưới (từ rốn trở xuống) 230 cm - chiều dài toàn bộ khăn 240 cm * chất liệu khăn bằng vải không dệt cao cấp SMMMS tối thiểu 40 gsm * có băng keo y tế không dính cố định xung quanh lỗ, đường kính 15 cm + túi chứa dịch: * kích thước 58 x 64 cm * chất liệu nhựa * có vạch chia chính xác từng ml, chứa tối đa 2000 ml - 2 Khăn thấm 30 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm tối thiểu 60 gsm - 1 Băng keo y tế cố định ống dẫn, kích thước 10 x 50 cm - Tất cả kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Các đường nối được ép chắc chắn - Chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	120
65	Bộ mở dạ dày qua da bơm bóng loại thay thế	Bộ mở dạ dày qua da bơm bóng loại thay thế - Chất liệu silicon - Ống thay thế, đường kính ≥ 24 Fr - Chiều dài tối thiểu 220 mm - Dung tích bóng tối thiểu 10 ml - Có vạch đánh dấu trên ống, cách bóng tối thiểu 2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	25
66	Bộ mở dạ dày qua da bằng silicon	Bộ mở dạ dày qua da - Bộ mở bao gồm: Ống nuôi ăn ≥ 24 F, thông lọng kéo, dây dẫn, kim chọc, miếng dán cố định - Chất liệu bằng silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	40
67	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc chủ động	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động - Chất liệu: * Tay cầm bằng nhựa * Lưỡi dao thép không gỉ - Kích thước: * Cán dài khoảng 15 - 20 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm - Có thể gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay bằng ghim 360 độ, thay thế bằng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Có thể sử dụng được tối thiểu 25 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng từ 1.2 - 1.8 mm" tại danh mục mời thầu	Cái	140
68	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da, cỡ 16 Fr, 18 Fr	Bộ ống thông dùng để dẫn lưu mở bàng quang qua da - Bộ ống thông bao gồm: * 01 ống thông tiểu 2 nhánh có bóng dung tích tối thiểu 5 ml * 01 cây chọc dò trocar * 01 lưỡi dao - Chất liệu 100% silicon - Kích cỡ tối thiểu phải có 16, 18 Fr - Chiều dài khoảng 35 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	100

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
69	Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở và mổ nội soi	Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm cùng hãng - Sử dụng được ≥ 90 lần - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	Cái	45
70	Cảm biến đo đường huyết liên tục	Cảm biến đo đường huyết liên tục - Trọng lượng ≤ 5 gr - Kích thước ≤ 40 mm - Phạm vi chỉ số glucose ít nhất 40 mg/dL - Thời gian sử dụng cảm biến có thể lên đến 14 ngày - Có thể hoạt động được ở nhiệt độ tối thiểu 15 độ C, tối đa 40 độ C - Cấu tạo chống nước - Thiết bị đọc kết quả - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	200
71	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu, dùng cho tay dao 23 kHz	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu, dùng cho tay dao 23 kHz - Có nắp bọc nút bấm bằng silicone, gắn nối 3 chân bằng đồng - Cho phép phẫu thuật siêu âm và cầm máu bằng điện cùng một lúc, ngay trên cùng 1 tay dao - Tương thích tay dao CUSA 23 kHz tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	200
72	Ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng	Ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng, hiển thị hình ảnh trực tiếp khi được kết nối với bộ xử lý hình ảnh Bao gồm tay cầm điều khiển và phần thân ống soi Tay cầm bao gồm 3 cổng • Một cổng kênh làm việc để dẫn đường các phụ kiện • Một cổng hút để loại bỏ chất lỏng qua kênh làm việc tùy chọn • Một cổng tưới để bơm các dung dịch tưới thông qua hai kênh tưới rửa chuyên dụng - Hướng quan sát nhìn thẳng - Trường quan sát khoảng 110 - 120 độ - Đường kính đầu ống soi khoảng 3 - 4 mm - Đường kính thân ống soi khoảng 3 - 4 mm - Đường kính kênh làm việc khoảng 1 - 1.5 mm - Khả năng uốn cong khoảng 20 - 30 độ - Chiều dài làm việc khoảng 210 - 215 cm - Dụng cụ đi kèm 1 cổng chữ Y - Tương thích hệ thống nội soi đường mật tại bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	10
73	Bóng gây mê 0.5 lít, 1 lít, 2 lít và 3 lít, dùng 1 lần	Bóng gây mê - Chất liệu: nhựa y tế, không Latex - Các cỡ 0.5 lít, 1 lít, 2 lít và 3 lít - Co nối đường kính 22 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	82
74	Bóng kéo sỏi 3 kênh dùng kéo sỏi ống mật chủ	Bóng kéo sỏi 3 kênh dùng để kéo sỏi ống mật chủ - Chất liệu bóng bằng latex - Có 3 kênh làm việc: dây dẫn, kênh bơm bóng và kênh bơm dung dịch cản quang - Đường kính bóng tối đa 20 mm - Đường kính đầu cuối ≥ 5.5 Fr - Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Có 2 dải cản quang ở đầu và cuối bóng - Có phần kết nối giúp cố định dụng cụ với ống soi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	100

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
75	Bóng nong đường mật, đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 8, 10, 12 mm	Bóng nong đường mật - Chất liệu Pebax, không thấm nước - Đường kính dây dẫn bóng khoảng 7 - 8 Fr, dài khoảng 160 - 180 cm, chiều dài bóng khoảng 5 - 6 cm, đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 8, 10, 12 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035"	cái	45
76	Bóng nong thực quản	Bóng nong thực quản - Đường kính bóng 6 - 20 mm (tối thiểu phải có 18 mm, 19 mm, 20 mm) - Chiều dài bóng ≥ 55 mm - Đường kính ngoài của Catheter ≥ 7 Fr - Áp suất tối đa 145/10 (psi/atm) - Tích hợp dây dẫn ≤ 0.035" - Các điểm đánh dấu sáng quang ở đầu bóng và cuối bóng - Chiều dài dụng cụ ≥ 230 cm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
77	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da nông	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da nông - Thành phần hoạt chất Hyaluronic acid ổn định khoảng 16 - 17 mg/ml; Sodium Chloride, Phosphate buffer, nước cất 1 ml - 1 kim thẳng, 33G, bằng thép không gỉ, dài 4 mm - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	163
78	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 6 - 7 Fr	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Chất liệu titanium - Kích cỡ khoảng 6 - 7 Fr - Chiều cao khoảng 8 - 12 mm - Trọng lượng khoảng 2 - 5 g - Thể tích tối đa 0.5 ml - Áp suất tối đa 325 psi - Chiều dài catheter 60 ± 01 cm - Tiệt khuẩn - Tương thích môi trường MRI và CT - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	80
79	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo tối thiểu 20 mg/ml. Lidocain tối thiểu 3 mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat - 1 kim thẳng, 27G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Tiệt khuẩn - Thể tích ống tối thiểu 1ml - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	325
80	Catheter đo cung lượng tim liên tục, cỡ 7 - 8 Fr, dài ≥ 110 cm	Catheter đo cung lượng tim liên tục - Catheter bằng Polyvinylchlorua (PVC) - Cỡ 7 - 8 Fr, dài ≥ 110 cm - Đo các chỉ số CCO/SVO2/RV/EDV - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với monitor Vigilance tại Bệnh viện	Cái	88

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
81	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho lớp da sâu	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho lớp da sâu - Thành phần: Hyaluronic acid tối thiểu 15 mg/ml không liên kết chéo, tối thiểu 0.3% Lidocaine hydrochloride và muối phosphat, hỗn hợp 8 amino acid, 3 chất chống oxy hóa, Vitamin B6, 2 khoáng chất - 1 kim thẳng, 30G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ông	250
82	Điện cực dán, đo hoạt động não khi gây mê dùng cho người lớn	Điện cực dán đo hoạt động não khi gây mê toàn thân hoặc an thần dùng cho người lớn - Chất liệu: Polycarbonate - Chiều dài 28 ± 01 cm - Trọng lượng khoảng 3 - 4 g - Đầu kết nối dạng bản dẹt - Kèm hướng dẫn vị trí dán điện cực - Tương thích với máy monitor Bispectral Index VISTA tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	440
83	Bơm tiêm chứa 50 ml dung dịch pha sẵn, dùng bơm trực tiếp vào bàng quang qua thông niệu đạo	Bơm tiêm chứa 50 ml dung dịch pha sẵn, dùng bơm trực tiếp vào bàng quang qua thông niệu đạo - Thành phần trong 50 ml: + Hyaluronic acid (dạng muối natri) 1.6% + Sodium chondroitin sulphate 2% + Calcium chloride dihydrate 0.87% + Nước tinh khiết 100% + Sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ông	130
84	Catheter lấy huyết khối, các cỡ từ 2 đến 7 Fr	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu: catheter bằng Pebax, bóng bằng cao su - Có vạch đánh dấu độ sâu - Kích cỡ tối thiểu phải có 2, 3, 4, 5, 6, 7 Fr, dài khoảng 80 - 85 cm - Đường kính bóng khoảng 4.5 - 14 mm - Thể tích bóng khoảng 0.05 - 1.8 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	110
85	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch bằng Pebax, đường kính khoảng 6 - 14 mm	Catheter lấy huyết khối trong lòng mạch - Chất liệu: catheter bằng Pebax, bóng bằng cao su - Có vạch đánh dấu độ sâu - Kích cỡ tối thiểu phải có 3, 4, 5, 6, 7 Fr, dài khoảng 80 - 85 cm - Đường kính bóng khoảng 6 - 14 mm - Thể tích bóng khoảng 0.2 - 1.8 ml - Dây dẫn khoảng 0.018 - 0.038" - Hai dải chắn bức xạ ở hai đầu gần và xa của bóng tăng cường khả năng hiển thị dưới huỳnh quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
86	Đầu kim đốt laser phẫu thuật thanh quản	Đầu kim đốt laser phẫu thuật thanh quản, dây thanh, Amydal - Cấu tạo: bên trong là sợi quang học dẫn truyền, có vỏ inox bảo vệ - Đầu kim cắt vát - Chiều dài sợi quang khoảng 2.5 - 3.0 m - Có thể uốn cong - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	6
87	Chất làm đầy dùng cho lớp nông của da	Chất làm đầy dùng cho lớp nông của da - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo tối thiểu 20 mg/ml. Lidocaine tối thiểu 3 mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat - Dạng gel, trong suốt - 1 kim thẳng, 29G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ông	70

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
88	Chất làm đầy cải thiện độ săn chắc da	Chất làm đầy cải thiện độ săn chắc da - Thành phần chính 32 mg (H-HA) + 32 mg (L-HA) ($\pm$ 01 mg) muối natri axit hyaluronic, thành phần khác: natri clorua, natri photphat và nước - 1 kim thẳng, 29G, bằng thép không gỉ - Dạng gel trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 2 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Hộp	380
89	Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa	Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa - Kích thước khoảng 6 - 14 Fr (tối thiểu phải có 8, 10, 12 Fr) - Chiều dài catheter khoảng 30 - 42 cm - Điểm đánh dấu cân quang được gắn trên thân ống, có tối thiểu 8 lỗ thoát dịch - Kích thước lỗ $\geq$ 2 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Đầu tip cong hình đuôi heo, đầu nhọn và lớp phủ ái nước. - Kèm: kim chọc, trocar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	87
90	Chất làm đầy dùng cho vùng mặt	Chất làm đầy dành cho vùng mặt - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo tối thiểu 20 mg/ml, Lidocain hydrochlorid tối thiểu 3 mg/ml, dung dịch muối đệm phosphat - 1 kim thẳng, 27G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	hộp	66
91	Bộ nong cho tán sỏi mật qua da	Bộ nong cho tán sỏi mật qua da - Chất liệu bằng nhựa - Dạng thẳng, có đầu thuôn dần để nong rộng đường hầm - Tối thiểu có các cỡ 8, 10, 12, 14, 16, 18 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	70
92	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 7-0, dài $\geq$ 70 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 7-0, dài $\geq$ 70 cm, lực giữ vết mổ khoảng 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 9.3 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	756
93	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo, trọng lượng phân tử khoảng 1 - 3 triệu Dalton	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo: - Thành phần: Sodium hyaluronate - Trọng lượng phân tử khoảng 1 - 3 triệu Dalton - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	1.200
94	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo, trọng lượng phân tử > 3 triệu Dalton	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo: - Thành phần: Sodium hyaluronate - Trọng lượng phân tử > 3 triệu Dalton - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	900
95	Chỉ khâu không tiêu, bằng nylon, đơn sợi, số 10-0, dài $\geq$ 30 cm, 2 kim, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, khâu kết mạc, giác mạc và củng mạc - Chỉ bằng nylon, số 10-0, dài $\geq$ 30 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép không gỉ, 6 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	216

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
96	Chi khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 16 mm, 1/2 C, miếng đệm 3 x 3 mm	Chi khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay hoặc sửa van động mạch chủ, van hai lá hoặc van ba lá - Chi bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 16 mm, 1/2 C, phủ silicon - Miếng đệm bằng PTFE 3 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tệp tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tệp	60
97	Chi khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chi bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tệp tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tệp	180
98	Chi khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C, miếng đệm 6 x 3 mm	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chi bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 1/2 C, miếng đệm bằng PTFE 6 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tệp tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tệp	120
99	Chi khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chi bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tệp tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tệp	270
100	Chi khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C, miếng đệm 7 x 3 mm	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chi bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Miếng đệm bằng PTFE 7 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tệp tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tệp	90
101	Chi khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chi bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tệp tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tệp	180
102	Chi khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm 6 x 3 mm	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chi bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm bằng PTFE 6 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tệp tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tệp	96
103	Chi khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm mềm 6 x 3 mm	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chi bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm mềm bằng PTFE 6 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tệp tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tệp	96
104	Chi khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 3-0, dài ≥ 80 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyester, số 3-0, dài ≥ 80 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tệp	720

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
105	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	396
106	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn, đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	2.952
107	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm - 2 kim tròn, đầu nhọn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 9.3 mm, 3/8 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	336
108	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 7 - 8 Fr	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Chất liệu bằng titanium - Chiều cao khoảng 11 - 12 mm - Catheter cỡ khoảng 7 - 8 Fr, bằng silicon, đầu đóng van 3 chiều ngăn máu chảy vào gây tắc nghẽn - Chụp được dưới CT và MRI - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	80
109	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	3.336
110	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	1.920
111	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 26 mm, 1/2 C, kim phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.752
112	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 26 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	360

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
113	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	552
114	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	4.356
115	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	540
116	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	822
117	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	144
118	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene chất phủ polyethylene glycol, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.044
119	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	3.312
120	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.656

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
121	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 11 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 11 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	576
122	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhọn, dài 9.3 mm, 3/8 C, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	1.800
123	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 13 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	778
124	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 9 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chi bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 9 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	3.942
125	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 8 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chi bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), 8 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.728
126	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 6 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chi bằng Polypropylene phủ PEG, số 8-0, dài ≥ 60 cm - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 6 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.458
127	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 45 cm, 2 kim, dài 6.5 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 45 cm - 2 kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài khoảng 6.5 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	12
128	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 0, dài ≥ 100 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 0, dài ≥ 100 cm - 1 kim tròn đầu tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	615
129	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polypropylene, số 1, dài ≥ 100 cm, 1 kim, dài 45 mm, 1/2 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 1, dài ≥ 100 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 45 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	2.376

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
130	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 12 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép không gỉ, dài 12 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	288
131	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 10 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 6-0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	648
132	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	10.457
133	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim thẳng, dài 60 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 60 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	1.392
134	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 3-0, dài ≥ 70 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	12.563
135	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 3-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	30.000
136	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 4-0, dài ≥ 45 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	2.250
137	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 9 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	3.674
138	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 5 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	2.368
139	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 12 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 3 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 12 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	274
140	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 9-0, dài ≥ 10 cm, 1 kim, dài 5.1 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 9-0, dài ≥ 10 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 5.1 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	154

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
141	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 1, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 30 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 1, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) 50 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 30 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	4.511
142	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	720
143	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 10 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	2.160
144	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.440
145	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	1.728
146	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 10 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 3 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.836
147	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 1 kim tròn đầu nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.944
148	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	3.213

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
149	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	2.365
150	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 25 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn, đầu tròn thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 25 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	7.200
151	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	10.185
152	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 4-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	1.260
153	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài tối thiểu 13mm, 1/2 C hoặc 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 5-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài tối thiểu 13 mm, 1/2 C hoặc 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	540
154	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 8-0, dài ≥ 45 cm, 2 kim hình thang, dài 6 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, dùng trong phẫu thuật mắt - Chỉ bằng kén tằm, số 8-0, dài ≥ 45 cm - 2 kim hình thang, bằng thép không gỉ, dài 6 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	tép	216
155	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	18.030
156	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	4.550
157	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 0, dài ≥ 75 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	4.412
158	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 3-0, dài ≥ 180 mm, kim 17G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ Polydioxanone, số 3-0, dài ≥ 180 mm, thời gian tiêu ≥ 6 tháng - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 17G, dài 100 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cây	20

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
159	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 3-0, dài $\geq$ 300 mm, kim 21G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ bằng Polydioxanone, số 3-0, dài $\geq$ 300 mm, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - 2 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 21G, dài 100 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cây	32
160	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài $\geq$ 50 mm, kim 29G, 40 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chỉ Polydioxanone, số 6-0, dài $\geq$ 50 mm. - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, phủ silicon - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu nhọn, 29G, dài 40 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cây	40.300
161	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài $\geq$ 70 mm, kim 29G, 50 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chỉ Polydioxanone, số 6-0, dài $\geq$ 70 mm. - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, phủ silicon - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu nhọn, 29G, dài 50 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cây	1.500
162	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 7-0, dài $\geq$ 30 mm, kim 31G, 30 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chỉ Polydioxanone, số 7-0, dài $\geq$ 30 mm. - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, phủ silicon. - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu nhọn, 31G, dài 30 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cây	40.100
163	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 3-0, dài $\geq$ 180 mm, kim 18G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ Polydioxanone, số 3-0, dài $\geq$ 180 mm - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 18G, dài 100 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cây	340
164	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 0, dài $\geq$ 180 mm, kim 18G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chỉ Polydioxanone, số 0, dài $\geq$ 180 mm, chỉ gai dúc - Có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, phủ silicon - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 18G, dài 100 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cây	198
165	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 3-0, dài $\geq$ 160 mm, kim 19G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ bằng Polydioxanone, số 3-0, dài $\geq$ 160 mm - Có chốt nhựa giữ chỉ, có nắp đẩy phần kim và chỉ, chỉ gai dúc - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 19G, dài 100 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cây	310
166	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, đa sợi, số 4-0, dài $\geq$ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 4-0, dài $\geq$ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn $\leq$ 120 ngày - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.128
167	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 2-0, dài $\geq$ 75 cm, 1 kim, dài 36 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi - Chỉ bằng sợi collagen, số 2-0, dài $\geq$ 75 cm, tiêu hoàn toàn $\leq$ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 36 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	3.000
168	Chỉ khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 3-0, dài $\geq$ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 26 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi - Chỉ bằng collagen, số 3-0, dài $\geq$ 75 cm, tiêu hoàn toàn $\leq$ 90 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	tép	4.600

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
169	Chi khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 1, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi - Chi bằng sợi collagen, số 1, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 40 mm 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	678
170	Chi khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi - Chi bằng sợi collagen, số 4-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	1.650
171	Chi khâu tiêu, bằng Glycomer, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Glycomer, số 3-0, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài ≥ 30 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	520
172	Chi khâu tiêu, bằng Glycomer, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 15 cm, 1 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Glycomer, số 4-0, dài ≥ 15 cm, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	450
173	Chi khâu tiêu, bằng Glycomer, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Glycomer, số 1, dài ≥ 90 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 110 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	540
174	Chi khâu tiêu, bằng Glycomer, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Glycomer, số 2-0, dài ≥ 75 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 110 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	4.800
175	Chi khâu tiêu, bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Poly - 4 - hydroxybutyrate, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 74 N - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.350
176	Chi khâu tiêu, bằng poly 4 hydroxybutyrate, đơn sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Poly - 4 - hydroxybutyrate, số 0, chỉ dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 50 N - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	936
177	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	1.620
178	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 2-0 dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, số 2-0, dài ≥ 70 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	162

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
179	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, dài 26 mm, 1/2 C, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	594
180	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 30 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan - Chi dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ tối thiểu 30%, 1 đầu tự khoá linh hoạt, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	216
181	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	5.498
182	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 70 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 210 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	2.736
183	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, số 5-0, dài ≥ 90 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	1.296
184	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 70 cm, 2 kim, dài 9 - 10 mm, 3/8 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài khoảng 9 - 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	990
185	Miếng vá tạo hình cân cơ thái dương	Miếng vá tạo hình cân cơ thái dương - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Miếng ghép có nhiều cuộn, các cỡ 76 x 61 x 19 mm; 90 x 73 x 19 mm; 101 x 85 x 19 mm - Kích cỡ sai số cho phép ± 10% - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
186	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 1, dài ≥ 45 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, số 1, dài ≥ 45 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, 1 đầu tự khoá, có 2 hàng neo ép đối xứng, 5 neo/1cm, lực giữ vết mổ 50 - 55% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 40 mm, 1/2C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	216

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
187	Chi khâu tiêu, bằng Polyglecaprone, đơn sợi số 3-0, dài ≥ 20 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polyglecaprone, số 3-0, dài ≥ 20 cm, có chất kháng khuẩn Triclosan, lực giữ vết mổ 25 - 30% sau 2 tuần, tiêu hoàn toàn < 120 ngày - Chi dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30 - 35%, 1 đầu tự khoá linh hoạt - 1 kim, đầu tròn thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	410
188	Chi khâu tiêu, bằng polyglyconate, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polyglyconate (copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate), số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng của chỉ đạt 70 - 80% ít nhất 1 tuần, và 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	225
189	Chi khâu tiêu, bằng polyglyconate, đơn sợi, có gai, số 0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polyglyconate, có gai, hướng gai 1 chiều, 1 đầu có vòng không cần buộc, số 0, dài ≥ 30 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	525
190	Chi khâu tiêu, bằng polyglyconate, đơn sợi, có gai, số 2-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polyglyconate, số 2-0, dài ≥ 30 cm, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	60
191	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 20 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 42 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	3.132
192	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 36 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 42 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 36 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	7.536
193	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 22 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 45 cm - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	512
194	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 42 ngày - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.876
195	Chi khâu tiêu, bằng Glyconate, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Glyconate, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 25 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 14 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	450

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
196	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 6 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	1.152
197	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 13 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	92
198	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu) - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm 1/2C, kim phủ silicone - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	10.110
199	Chỉ khâu tiêu, bằng lactomer 9-1, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	3.769
200	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1, số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	7.014
201	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1, số 2-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	4.626
202	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1, số 3-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu) - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	12.112
203	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 50 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	270
204	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 65 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	2.398

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
205	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chi) tối thiểu 20 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	2.250
206	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	5.386
207	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	900
208	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	13.110
209	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim tam giác, vòng kim phức hợp, dài 16 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	816
210	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 4-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	5.410
211	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, số 5-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	364
212	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	1.880
213	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 11 mm, 3/8 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 11 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	310

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
214	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	54
215	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 1, dài ≥ 70 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	8.796
216	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 1, dài ≥ 90 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	6.162
217	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 70 cm, có phủ chất kháng khuẩn, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 5-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	912
218	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 30 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 45 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 30 mm 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	5.712
219	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 45 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.260
220	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 25 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	2.040
221	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	4.838

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
222	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	596
223	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglytone 6211, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyglytone 6211, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết thương 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 60 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.164
224	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 60 cm, phủ phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.142
225	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 55 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 55 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	3.840
226	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 60 cm, phủ phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	4.272
227	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 55 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 55 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	6.014
228	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 4-0, dài ≥ 60 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	1.350
229	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 60 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 5-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	594
230	Chỉ không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 1, dài ≥ 150 cm, không kim	Chỉ không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 1, dài ≥ 150 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Không kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	1.200
231	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu, bằng silicon, màu vàng	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon - Màu vàng - Kích thước: dài 45 ± 01 cm, rộng 1.5 ± 01 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	360
232	Chỉ nâng đỡ mô, mạch máu, bằng silicon, màu xanh	Chỉ nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon - Màu xanh - Kích thước: dài 75 ± 01 cm, rộng 2.5 ± 01 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.622

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
233	Chi nâng đỡ mô, mạch máu, bằng silicon, màu đỏ	Chi nâng đỡ tách mô, mạch máu, dây thần kinh - Chất liệu bằng silicon - Màu đỏ - Kích thước: dài 45 ± 01 cm, rộng 1.5 ± 01 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	972
234	Chi thép số 5, dài ≥ 40 cm, kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chi thép số 5 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 5, dài ≥ 40 cm - Kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiết khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	330
235	Chi thép số 5, dài ≥ 45 cm, kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chi thép số 5 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 5, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	480
236	Chi thép điện cực, số 2-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 17 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 60 mm	Chi thép điện cực - Chi bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 2-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, dài 17 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài khoảng 60 mm, thân kim có khắc bẻ để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	180
237	Chi thép điện cực, số 3-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 13 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 51 mm	Chi thép điện cực - Chi bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 3-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, dài 13 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài 51 mm, phủ silicon, thân kim có khắc bẻ để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.368
238	Chi thép số 1, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 25 mm, 1/2 C	Chi thép số 1 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 1, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 25 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiết khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	120
239	Chi thép số 2, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C	Chi thép số 2 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 2, dài ≥ 45 cm - 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 5 Kg - Tiết khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	144
240	Chi thép số 3, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 40 mm, 1/2 C	Chi thép số 3 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 3, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 40 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiết khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	96
241	Chi thép, số 4, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chi thép số 4 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 4, dài ≥ 45 cm - 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	126

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
242	Kẹp đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi	Kẹp đóng lỗ thủng ống tiêu hóa trong nội soi - Chất liệu bằng Nitinol - Bao gồm bộ tay quay bung kẹp, cáp chụp ống soi và bung bằng sợi chỉ - Đường kính nắp chụp khoảng 11 - 14 mm (tối thiểu phải có 11 mm, 14 mm) - Độ sâu nắp chụp khoảng 03 - 06 mm (tối thiểu phải có 03 mm, 06 mm) - Chiều dài kẹp khoảng 09 - 11 mm (tối thiểu phải có 09 mm, 11 mm) - Tổng chiều dài ≥ 160 cm - Hình dạng răng ≥ 3 hình dạng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
243	Kẹp mạch máu, chiều cao clip khi mở khoảng 2.8 - 2.9 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.8 - 2.9 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 1.9 - 2 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 3.6 - 3.7 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số 137081 của hãng Weck tại Bệnh viện	Cái	10.137
244	Kẹp mạch máu 2 thì, chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.2 - 4.4 mm	Kẹp mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều rộng clip khi mở 3.4 - 3.6 mm, chiều cao clip khi mở 4.2 - 4.4 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích kèm kẹp clip mã PL604R của hãng Aesculap tại Bệnh viện	Cái	4.896
245	Kẹp mạch máu, chiều cao clip khi mở khoảng 4.8 - 5 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.8 - 5 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 6 - 6.2 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích kèm kẹp mã số FB235R hoặc FB236R của hãng Aesculap tại Bệnh viện	Cái	15.660
246	Kẹp mạch máu 2 thì, chiều cao kẹp khi mở khoảng 8.20 - 8.25 mm	Kẹp mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều rộng clip khi mở 7.20 - 7.25 mm, chiều cao clip khi mở 8.20 - 8.25 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích kèm kẹp clip mã PL606R của hãng Aesculap tại Bệnh viện	Cái	1.728
247	Kẹp mạch máu, chiều cao clip khi mở khoảng 1.90 - 1.92 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 1.90 - 1.92 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 1.90 - 1.93 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 2.2 - 2.5 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số 537081 của hãng Weck tại Bệnh viện	Cái	810
248	Kẹp mạch máu, chiều cao clip khi mở khoảng 2.80 - 2.90 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.80 - 2.90 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 2.05 - 2.10 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 3.60 - 3.70 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số 137082 của hãng Weck tại Bệnh viện	Cái	13.608

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
249	Kẹp mạch máu, chiều cao clip khi mở khoảng 4.60 - 4.70 mm	Kẹp mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.60 - 4.70 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 3 - 3.05 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 5.80 - 5.90 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số 237081 của hãng Weck tại Bệnh viện	Cái	27.248
250	Kẹp mạch máu, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 3.6 - 3.7 mm	Kẹp mạch máu cỡ nhỏ - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 3 - 3.2 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 3.6 - 3.7 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số LX107 của hãng Ethicon tại Bệnh viện	Cái	4.752
251	Kẹp mạch máu, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 5 - 5.5 mm	Kẹp mạch máu cỡ trung bình - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 3.8 - 4.2 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 5 - 5.5 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với kim kẹp mã số LX207 của hãng Ethicon tại Bệnh viện	Cái	11.664
252	Kẹp mạch máu chiều dài kẹp khi đóng khoảng 8.8 - 9 mm	Kẹp mạch máu cỡ trung bình - lớn - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 6 - 6.4 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 8.8 - 9 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với kim kẹp mã số EL314 của hãng Ethicon tại Bệnh viện	Cái	26.028
253	Kẹp mạch máu, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 12 - 12.3 mm	Kẹp mạch cỡ lớn - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 7 - 7.5 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 12 - 12.3 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với kim kẹp mã số EL414 của hãng Ethicon tại Bệnh viện	Cái	5.940
254	Kẹp mạch máu, chất liệu polymer	Kẹp mạch máu - Chất liệu Polymer - Kích cỡ: * ML: đường kính khoảng 10 - 11 mm, có thể kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 3 - 10 mm * L: đường kính khoảng 14 - 15 mm, có thể kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 5 - 13 mm * XL: đường kính khoảng 18 - 19 mm, có thể kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 7 - 16 mm - Có gai sọc thân kẹp chống trượt với chân bám 360 độ, có khoá an toàn - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) Tương thích với kim kẹp mã số 544170, 544180, 544191 hoặc 544965, 544995, 544990 của hãng Weck tại Bệnh viện	Cái	67.698

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
255	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Dao có 3 kênh riêng biệt: cho dao, cho dây dẫn khoảng 0.025 - 0.035" và cho kênh bơm cân quang - Phủ lớp cách điện ở đoạn đầu dây cắt, đoạn đầu thuận dài và được đánh dấu cân quang trên dao - Chiều dài dao ≥ 25 mm - Chiều dài đoạn đầu ≥ 7 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1700 mm - Đường kính đoạn đầu ≥ 4.5 Fr - Có vị trí đánh dấu 1/3 và 1/2 dao - Có phần kết nối giúp cố định dụng cụ với ống soi - Dao có thể được điều khiển căng hoặc dẫn bằng tay cầm - Có bộ nối gắn kết với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	140
256	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm, đường kính 5 mm	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi - Kích thước * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong khoảng 20 - 25 độ - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy Valleylab FT10 tại Bệnh viện	Cái	176
257	Dao cắt hót dưới niêm mạc trong nội soi dạ dày	Dao cắt hót dưới niêm mạc, có đầu cách điện dùng trong nội soi dạ dày - Chất liệu đầu cách điện bằng sứ - Chiều dài dao ≥ 4 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Đường kính đầu cuối cách điện ≤ 2.2 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	10
258	Chất làm đầy trẻ hóa da, cải thiện nếp nhăn da	Chất làm đầy trẻ hóa da, cải thiện nếp nhăn da - Thành phần: Hyaluronic acid liên kết chéo tối thiểu 20 mg/ml. Lidocain hydrochlorid tối thiểu 3 mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat - 1 kim thẳng, 29G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	267
259	Dao cắt hót dưới niêm mạc hình núp dùng trong nội soi tiêu hóa	Dao cắt hót dưới niêm mạc hình núp dùng trong nội soi tiêu hóa - Đầu dao hình núp có thể kéo dài hoặc thu ngắn lại được điều khiển bằng tay cầm, và có kênh phun nước - Đường kính dao ≤ 0.3 mm - Chiều dài dao tối thiểu phải có 1.5 mm, 2.0 mm - Chiều cao của núp khi thu ngắn còn ≥ 0.1 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	10

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
260	Dao cắt hót dưới niêm mạc hình tam giác trong nội soi tiêu hóa	Dao cắt hót dưới niêm mạc hình tam giác dùng trong nội soi tiêu hóa - Chiều dài dao cắt khoảng 4.5 - 4.7 mm, lưỡi dao có hình tam giác, có kênh phun nước - Chiều dài đoạn đầu hình tam giác ≥ 0.4 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	10
261	Dao cắt dùng để cắt cơ vòng trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dao cắt dùng để cắt cơ vòng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Dao cắt có 3 kênh riêng biệt: cho dao, cho dây dẫn 0.025-0.035" và kênh bơm cân quang - Phù hợp cách điện, đoạn đầu thuận dài và được đánh dấu cân quang - Đường kính ≥ 5 Fr - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Chiều dài dao kim ≥ 5 mm - Chiều dài phần dao kim không phù hợp cách điện ≥ 3 mm - Có phần kết nối giúp cố định dụng cụ với ống soi - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	10
262	Dao hình lưỡi liềm	Dao hình lưỡi liềm - Chất liệu bằng thép không gỉ - Cạnh mài ngang, hai mặt vát, đầu tròn, gấp góc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
263	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở, lưỡi dao cong khoảng 35 - 40 độ	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở - Kích thước * Chiều dài khoảng 20 - 21 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong khoảng 35 - 40 độ - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy Valleylab FT10 tại Bệnh viện	Cái	411
264	Dao mổ mắt phaco, 45 độ	Dao mổ mắt phaco - Chất liệu: + Lưỡi dao bằng thép không gỉ + Tay cầm bằng nhựa - Cấu tạo mặt vát 45 độ - Chiều rộng khoảng 2.2 - 3.2 mm (tối thiểu phải có 2.2, 2.8, 3.0, 3.2 mm) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.800
265	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ mở, cán dao dài khoảng 8 - 10 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ mở, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 8 - 10 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	Cái	226

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
266	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	Cái	599
267	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm, đường kính 5 mm	Dao mổ siêu âm phối hợp điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi - Kích thước * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tích hợp hàn mô bằng siêu âm và điện lưỡng cực - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích hệ thống máy cắt đốt thunderbeat tại Bệnh viện	Cái	24
268	Dao siêu âm không dây dùng trong mổ nội soi, đường kính 5 mm, dài 30 - 40 cm	Dao siêu âm không dây dùng trong mổ nội soi, tần số ≥ 55000Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 15 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với các dụng cụ không dây đi kèm	Cái	41
269	Đầu dao 23 kHz dùng trong mổ mở, đường kính khoảng 1.9 - 2 mm, dài khoảng 7.9 - 8 cm	Đầu dao 23 kHz dùng trong mổ mở - Đầu dao là hợp kim titanium - Đường kính khoảng 1.9 - 2 mm - Chiều dài khoảng 7.9 - 8 cm - Biên độ dao động khoảng 287 - 355 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng khoảng 3.5 - 3.6 g - Có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy CUSA Excel tại bệnh viện	Cái	75
270	Đầu dao 23kHz dùng trong mổ mở, đường kính khoảng 2.6 - 2.7 mm, dài khoảng 7.9 - 8 cm	Đầu dao 23 kHz dùng trong mổ mở - Đầu dao là hợp kim titanium - Đường kính khoảng 2.6 - 2.7 mm - Chiều dài khoảng 7.9 - 8 cm - Biên độ dao động khoảng 254 - 307 micrometers tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng khoảng 3.8 - 4.0 g - Có cáp thông tắc đầu mũi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy CUSA Excel tại bệnh viện	Cái	18

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
271	Đầu dao 23kHz dùng trong mổ nội soi đường kính khoảng 1.9 - 2 mm, dài khoảng 30 - 31 cm	- Đầu dao 23 kHz dùng trong mổ nội soi - Đầu dao là hợp kim titanium - Đường kính khoảng 1.9 - 2 mm - Chiều dài khoảng 30 - 31 cm - Biên độ dao động khoảng 178 - 229 μm tương ứng với 10 chế độ trên máy chính - Trọng lượng khoảng 32 - 33 g - Có cáp thông tắc đầu mũi dao - Kèm 6 đầu phun dịch - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy CUSA Excel tại bệnh viện	Cái	75
272	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, có đầu vác một bên	- Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa - Đường kính 2 ± 0.5 mm - Chiều dài 2 ± 0.5 m - Có đầu vác một bên - Có bộ kết nối với máy đốt điện Argon Plasma (bệnh viện) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	10
273	Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa, có đầu vác tròn	- Đầu đốt mềm dùng để cầm máu trong nội soi tiêu hóa - Đường kính 2 ± 0.5 mm - Chiều dài 2 ± 0.5 m - Có đầu vác tròn - Có bộ kết nối với máy đốt điện Argon Plasma tại bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	12
274	Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa	- Đầu gắn ống soi có góc vát xiên hỗ trợ gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa mềm - Đường kính ngoài ≤ 19 mm - Góc vát xiên - Có rãnh cố định thông lộng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	15
275	Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi tiêu hóa	- Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu bằng nhựa mềm - Chiều dài từ đầu cuối ống soi ≤ 4 mm - Có lỗ bên - Đường kính ngoài khoảng 11 - 15 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	1.005
276	Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh	- Bộ phụ kiện lấy dịch dùng trong việc truyền nhanh (dịch, máu) - Bộ phụ kiện bao gồm bình chứa khoảng 110 - 120 ml với bộ lọc khoảng 245 - 250 μm và bộ lọc kỵ nước để loại bỏ khí, cụm đầu 3 dây lấy dịch, bộ trao đổi nhiệt, ngăn áp suất và bộ khử khí, dây nối người bệnh dài khoảng 120 - 140 cm, kèm cổng tiêm - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 đang tại Bệnh viện	Bộ	38
277	Đầu lưới cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu tù, thân cong	- Đầu lưới cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đường kính khoảng 4 - 5 mm - Chiều dài khoảng 10 - 12 cm - Đầu tù, thân cong 40 độ - Mặt cắt hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bụng, diện cắt 3 mặt - Tốc độ hoạt động tối thiểu 3500 vòng/phút - Có cổng gắn với dây nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy khoan cắt nạo model IPC tại Bệnh viện	Cái	150

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
278	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu tù, thân thẳng	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đường kính khoảng 4 - 5 mm - Chiều dài khoảng 10 - 12 cm - Đầu tù - Thân thẳng - Mặt cắt hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bụng, diện cắt 3 mặt - Có công gắn với dây nước - Kèm 01 dây nước - Tốc độ hoạt động tối thiểu 3500 vòng/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy khoan cắt nạo model IPC tại Bệnh viện	Cái	120
279	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm - Tần số dao động ≥ 55000 lần/giây - Tín hiệu đèn LED và âm thanh báo hiệu tình trạng hoạt động của thiết bị - Có thể tái sử dụng lên đến 100 lần - Có thể hấp tiệt trùng nhiệt độ cao - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
280	Rọ bắt sỏi qua ống soi mềm, loại nhỏ	Rọ bắt sỏi - Kích cỡ khoảng 1.8 - 2.2 Fr - Chiều dài khoảng 118 - 120 cm - Cấu tạo loại 4 cạnh, đầu tròn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích ống soi mềm loại nhỏ	cái	180
281	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản - Chất liệu không mù cao su - Đầu thắt trong suốt, có thể nhìn được vật đối diện - Có kênh phun nước - Có móc kéo dây - Có ống nối bơm rửa - Tầm nhìn $\geq 360^\circ$ - Có 02 dây kéo dài ≥ 142 cm - Đường kính trong đầu thắt ≥ 9 Fr - Tương thích đầu ống soi khoảng 8 - 12 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	bộ	600
282	Lưỡi cưa các loại, dùng trong phẫu thuật	Lưỡi cưa các loại dùng trong phẫu thuật - Chất liệu bằng thép không gỉ - Lưỡi hình răng cưa - Dày khoảng 0.3 - 0.6 mm - Chiều dài lưỡi cắt tối thiểu 12 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích tay cưa tĩnh tiến, gập góc dùng với máy khoan model IPC tại Bệnh viện	Cái	30
283	Dây cưa sọ dài trong khoảng 400 - 410 mm	Dây cưa sọ - Bằng thép không gỉ - Dài khoảng 400 - 410 mm - Đường kính khoảng 1.4 - 1.5 mm - Cấu tạo mảnh xoắn có thể uốn cong - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	sợi	100

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
284	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu, đường kính khoảng 0.032 - 0.035", dài tối thiểu 150 cm	Dây dẫn đường niệu quản trong phẫu thuật nội soi niệu - Chất liệu: lõi bằng nitinol phủ Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Phủ lớp ưa nước (hydrophilic) - Đường kính khoảng 0.032 - 0.035" - Chiều dài tối thiểu 150 cm - Đầu dây dẫn mềm - Có cán quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	200
285	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài khoảng 0.020 - 0.025"	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Dạng đầu thẳng hoặc đầu cong - Chiều dài làm việc ≥ 4500 mm - Đường kính ngoài khoảng 0.020 - 0.025" - Đầu dây dẫn có phủ chất liệu thấm nước, dài ≥ 70 mm - Chiều dài dây dẫn được đánh dấu tính từ đoạn đầu ≥ 420 cm - Chiều dài có đánh dấu cán quang tính từ đoạn đầu khoảng 5 - 7 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	30
286	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng, đường kính ngoài khoảng 0.030 - 0.035"	Dây dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng - Dạng đầu thẳng hoặc đầu cong - Chiều dài làm việc ≥ 4500 mm - Đường kính ngoài khoảng 0.030 - 0.035" - Đầu dây dẫn có phủ chất liệu thấm nước, dài ≥ 70 mm - Chiều dài dây dẫn được đánh dấu tính từ đoạn đầu ≥ 420 cm - Chiều dài có đánh dấu cán quang tính từ đoạn đầu khoảng 5 - 7 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	60
287	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở - Sử dụng được ≥ 80 lần - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	Cái	24
288	Điện cực cắt rạch hình vòng 24 Fr	Điện cực cắt rạch hình vòng dùng trong cắt đốt tuyến tiền liệt - Kích cỡ 24 Fr - Cấu tạo 1 vòng cắt sử dụng trong môi trường nước muối và dòng điện lưỡng cực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy cắt đốt cao tần UES-40, ESG-400 tại bệnh viện	Cái	108
289	Rọ lấy sỏi loại nhỏ	Rọ kéo sỏi loại nhỏ - Chiều dài dụng cụ khoảng 280 - 300 cm - Độ mở rọ khoảng 15 - 20 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ khoảng 1 - 1.5 mm - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
290	Kềm sinh thiết loại nhỏ	Kềm sinh thiết loại nhỏ - Đường kính ngàm khoảng 1 - 1.2 mm - Chiều dài làm việc khoảng 280 - 300 cm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ khoảng 1 - 1.5 mm - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
291	Dụng cụ bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật, đường kính vết mổ có thể banh 2 - 10 cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Cấu tạo 2 vòng tròn ở 2 đầu - Đường kính vết mổ có thể banh khoảng 2 - 10 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	185

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
292	Dụng cụ bảo vệ vết mổ dùng trong phẫu thuật, đường kính vết mổ có thể banh 10 - 15 cm	Dụng cụ bảo vệ vết mổ trong phẫu thuật - Cấu tạo 2 vòng tròn ở 2 đầu - Đường kính vết mổ có thể banh khoảng 10 - 15 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2.160
293	Dụng cụ cầm máu dạng phun	Dụng cụ cầm máu dạng phun - Chất liệu bột cầm máu - Dụng cụ gồm 2 catheter: * Đường kính ≥ 7 Fr * Chiều dài ≥ 220 cm - Tay cầm gồm: * Bình CO2 * Bình bột cầm máu - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	2
294	Bình chứa dịch dùng trong truyền dịch nhanh	Bình chứa dịch dùng trong truyền dịch nhanh - Chất liệu bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Thể tích khoảng 3000 - 4000 ml - Có vạch đánh dấu thể tích trên thân bình - Màng lọc khoảng 160 - 170 μ m - 3 cổng đầu vào - 1 cổng đầu ra - 2 cổng thông xả khí - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 có tại Bệnh viện	Cái	38
295	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 8 - 9 Fr	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Chất liệu bằng titanium, phủ silicon - Catheter khoảng 8 - 9 Fr - Đường kính trong khoảng 1.5 - 1.6 mm - Chịu được truyền áp lực cao khoảng 22 - 23 bar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với môi trường MRI	Bộ	20
296	Điện cực dán, đo hoạt động não khi gây mê dùng cho trẻ em	Điện cực dán đo hoạt động não khi gây mê toàn thân hoặc an thần dùng cho trẻ em - Chất liệu: Polycarbonate - Chiều dài 25 ± 02 cm - Trọng lượng khoảng 3 - 4 g - Đầu kết nối dạng bản dẹt - Kèm hướng dẫn vị trí dán điện cực - Tương thích với máy monitor Bispectral Index VISTA tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	300
297	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn) dùng trong phẫu thuật nội soi, chất liệu tự tan	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu ghim tự tan - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ khoảng 35 - 45 cm * Đường kính dụng cụ ≤ 5 mm * Chiều dài ghim cao khoảng 4 - 5 mm - Chiều rộng khoảng 5 - 6 mm - Cấu tạo: * Hình dạng ghim xoắn ốc * Số lượng ghim tối thiểu 15 ghim/ cái - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
298	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn), ghim bằng titan	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn) dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu ghim bằng titan - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ khoảng 35 - 45 cm * Đường kính dụng cụ ≤ 5 mm * Chiều dài ghim khoảng 3 - 5 mm - Chiều rộng khoảng 4 - 5 mm - Cấu tạo: * Hình dạng ghim xoắn ốc * Số lượng ghim tối thiểu 15 ghim/cái - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
299	Dụng cụ đẩy stent trong nội soi mật tụy ngược dòng	Dụng cụ đẩy stent trong nội soi mật tụy ngược dòng - Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm - Đầu cuối có cân quang - Có phần kết nối giúp cố định dụng cụ với ống soi - Tương thích dây dẫn khoảng 0.025 - 0.035" và các loại stent ≥ 10 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	35
300	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da - Kích cỡ tối thiểu phải có 12, 14, 16, 18 Fr - Có tai xé bỏ sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	70
301	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin, trong phẫu thuật nội soi	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin, gấp góc đa năng, dùng pin trong phẫu thuật nội soi - Kích thước: * Cán dài khoảng 15 - 20 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm - Có thể gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay bằng ghim 360 độ - Các bộ phận khác đi kèm phụ kiện lắp đặt pin, pin, khay sạc pin - Số lần sử dụng tối thiểu 150 lần (mỗi lần sử dụng có thể nhiều băng ghim) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim nội soi các cỡ, cùng hãng tại danh mục mời thầu	Bộ	1
302	Miếng vá tạo hình xương và cân cơ thái dương	Miếng vá tạo hình xương và cân cơ thái dương - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần, miếng ghép có cuộn - Kích cỡ 45 x 44 x 7.0 mm x 3.0 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)v	Cái	3
303	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ, khoảng 70 - 80 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.5 - 2.0 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mỡ - Chất liệu: * Tay cầm bằng nhựa * Lưỡi dao thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài đường cắt khoảng 70 - 80 mm * Có thể điều chỉnh độ cao của ghim sau đóng 3 mức 1.5 mm, 1.8 mm, 2.0 mm - Hàm đe có 6 hàng để bấm ghim - Có thể sử dụng được tối thiểu 12 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mỡ, 75 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	310

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
304	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mở mở, khoảng 75 - 85 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mở mở - Chất liệu: * Tay cầm bằng nhựa * Lưỡi dao thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài đường cắt khoảng 75 - 85 mm - Có thể điều chỉnh độ cao ghim sau đóng khác nhau khoảng 1.5 - 2.5 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên với 3 chiều cao ghim khác nhau từ 3 - 4 mm - Có thể sử dụng được tối thiểu 8 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mở mở, khoảng 80 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	55
305	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc chủ động, dùng trong phẫu thuật nội soi - Kích thước: - Cán dài khoảng 15 - 20 cm - Đường kính thân ≤ 12 mm - Có thể gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Có thể sử dụng được tối thiểu 25 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	350
306	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, 45 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc chủ động, dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu: thép và lưỡi dao bằng thép không gỉ - Kích thước * Cán dài khoảng 32 - 36 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm * Chiều dài hàm 45 mm - Có thể gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Hàm thép có 6 hàng để bấm ghim - Có thể sử dụng được tối thiểu 12 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	40
307	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi. - Chất liệu: thép và lưỡi dao bằng thép không gỉ - Kích thước * Cán dài khoảng 32 - 36 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm * Chiều dài hàm 60 mm - Có thể gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Hàm thép có 6 hàng để bấm ghim - Có thể sử dụng được tối thiểu 12 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	200
308	Dụng cụ khâu cắt nối vòng tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng	Dụng cụ khâu nối vòng, tự động phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Cấu tạo: ≥ 32 ghim, ít nhất 2 hàng ghim - Kích thước: * Chiều cao ghim 3.3 - 3.7 mm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim 32 - 34 mm - Đe có thể tháo rời - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	2.110

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
309	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong điều trị sa trực tràng kiểu túi	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong điều trị sa trực tràng kiểu túi - Chất liệu: ghim bằng titanium - Cấu tạo: ≥ 32 ghim, ít nhất 2 hàng ghim - Kích thước: * Chiều cao ghim 4.5 - 5.0 mm * Đường kính ngoài ngoài của khoang chứa ghim 32 - 34 mm - Đe có thể tháo rời - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	306
310	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật điều trị sa trực tràng và trĩ	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật điều trị sa trực tràng và trĩ - Chất liệu: ghim bằng Titanium - Cấu tạo ≥ 32 ghim dập, ít nhất 2 hàng ghim - Kích thước: - Đường kính ngoài của khoang chứa ghim khoảng 32 - 34 mm - Chiều cao ghim khoảng 3.8 - 4.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	300
311	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin, 25 - 31 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 20 - 25 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25 mm, 29 mm, 31 mm, tối thiểu 20 ghim * Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được khoảng 1.0 mm - 2.3 mm - Ít nhất 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	69
312	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, 3 hàng ghim, 28 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 20 - 25 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 28 mm, 31 mm, 33 mm, tối thiểu 38 ghim - Ít nhất 3 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	144
313	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng, 25 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 30 - 35 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25 mm, 28 mm, 31 mm, 33 mm, tối thiểu 20 ghim - Ít nhất 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	60
314	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, 25 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 15 - 20 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25 mm, 29 mm, 33 mm, tối thiểu 20 ghim * Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được từ 1.5 mm - 2.2 mm - Ít nhất 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	345
315	Dụng cụ khâu da, dùng đóng da	Dụng cụ khâu da dùng đóng da - Bằng thép không gỉ - Tối thiểu 35 ghim đường kính khoảng (5 - 6) x (3 - 4) mm - Cấu tạo cửa sổ nhìn trong suốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	180

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
316	Dụng cụ khâu cắt thẳng mô mở, 30 mm	Dụng cụ khâu cắt thẳng mô mở - Chất liệu tay cầm bằng nhựa - Kích thước: * Cán dài khoảng 18 - 25 cm * Chiều dài băng ghim 30 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng, mô mở" tại danh mục mời thầu	Bộ	53
317	Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gấp góc đa năng, sử dụng pin	Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gấp góc đa năng, sử dụng pin - Chất liệu đe bằng thép không gỉ - Kích thước: + Cán dài khoảng 32 - 36 cm + Đường kính thân ≤ 12 mm + Chiều dài hàm 60 mm - Có thể gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Tự động thu dao sau khi sử dụng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	72
318	Kim sinh thiết u trong nội soi siêu âm	Kim sinh thiết u trong nội soi siêu âm - Chất liệu: Nitinol - Có lỗ bên - Chiều dài kim 80 ± 01 mm - Đường kính kim 19G, 22G - Chiều dài làm việc ≥ 1400 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	20
319	Dụng cụ thắt polyp	Dụng cụ thắt polyp dùng để cầm máu trước thủ thuật cắt polyp trong nội soi tiêu hóa - Chất liệu: nylon - Lọng thắt cầm máu đã lắp sẵn với tay cầm nhựa - Lọng thắt có đường kính ≤ 30 mm - Chiều dài làm việc ≥ 2200 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	330
320	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm - Gồm: + vỏ ngoài: * Chất liệu bằng nylon - Phủ lớp ưa nước (hydrophilic) * Có 2 nhánh + Nòng: * Chất liệu bằng polyethylene * Bên trong có thể tháo rời - Chiều dài khoảng 35 - 50 cm - Kích cỡ khoảng 10 - 12 Fr (tối thiểu phải có 11, 12 Fr) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	cái	52

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
321	Hộp đựng kim phẫu thuật (29 - 30) x (8 - 10) x (4 - 5) cm	Hộp đựng kim phẫu thuật - Chất liệu nhựa - Kích thước khoảng (29 - 30) x (8 - 10) x (4 - 5) cm - Gồm 2 khay: - Khay 1 chứa nút mềm để ghim cố định dao và kim phẫu thuật - Khay 2: chia thành 6 ô nhỏ, kích thước 1 ô tối thiểu 4 x 4 cm, đựng đứng các vỏ bao bì của dao và chỉ phẫu thuật - Có in số thứ tự kiểm soát số lượng kim chính xác - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2.450
322	Kềm sinh thiết phủ teflon	Kềm sinh thiết sử dụng trong nội soi tiêu hóa - Chiều dài khoảng 160 - 230 cm (tối thiểu phải có 160, 180, 230 cm) - Có 2 vị trí đánh dấu ra kềm - Thân kềm có vỏ bọc Teflon - Đường kính thân kềm khoảng 1.5 - 2.5 mm - Số lượng răng $\geq 5/6$ răng - Hình dạng miệng kềm Oval, có cửa sổ 2 bên hàm kềm - Miệng kềm có 2 kiểu: Dạng lưới phẳng và dạng có răng hoặc 2 dạng có răng - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	195.000
323	Keo dán da 0.5 ml	Keo dán da - Thành phần 2-octyl cyanoacrylate - Thể tích tối thiểu 0.5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	lọ	1.200
324	Keo dán da, dán mô nội soi 0.5 ml	Keo dán da, dán mô nội soi có thể dùng cho mô cơ thể - Thành phần N - butyl - 2 - cyano acrylat - Thể tích tối thiểu 0.5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Lọ	900
325	Kéo mổ nội soi cong, đường kính 5 mm	Kéo mổ nội soi cong - Lưỡi kéo dài khoảng 15 - 17 mm - Đường kính thân 5 mm - Chiều dài thân: 30 - 33 cm - Loại: cong, cán không khóa - Có chốt gắn đốt điện đơn cực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.600
326	Keo sinh học vá mạch máu bằng hỗn hợp keo gelatin và chất đông máu thrombin, 5 ml	Keo sinh học cầm máu - Thành phần hỗn hợp keo gelatin kết dính và chất tạo đông máu thrombin - Thể tích tối thiểu 5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	600
327	Keo sinh học, 2 ml	Keo sinh học cầm máu - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và tối thiểu 60% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (tối thiểu 40%) và glutaraldehyde (tối thiểu 10%) - Thể tích tối thiểu 2 ml - Cấu tạo bơm tiêm hai nồng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Chịu được áp lực ≥ 450 mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tube	150
328	Keo sinh học, 4 ml	Keo sinh học cầm máu - Chất liệu hydrogel tổng hợp - Thể tích tối thiểu 4 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	200

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
329	Keo sinh học, 5 ml	Keo sinh học cầm máu - Thành phần protein hydrogel chứa BSA và tối thiểu 60% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (tối thiểu 40%) và glutaraldehyde (tối thiểu 10%) - Thể tích ống tối thiểu 5 ml - Cấu tạo bơm tiêm hai nồng và vòi bơm dạng xoắn, kèm 4 đầu bơm keo - Chịu được áp lực ≥ 450 mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tube	550
330	Kẹp bấm da	Kẹp bấm da - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đường kính ghim khoảng 0.5 - 0.6 mm - Sau khi đóng: * Chiều dài ghim khoảng 6 - 7 mm * Chiều cao khoảng 4 - 4.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	170
331	Kẹp cầm máu điện dùng trong nội soi tiêu hóa	Kẹp cầm máu điện dùng trong nội soi tiêu hóa - Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm - Độ mở ngang khoảng 4 - 6.5 mm - Hỗ trợ tính năng xoay, cấu tạo ngăn chống trượt - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	10
332	Miếng vá tạo hình vùng mặt và sàn ổ mắt	Miếng vá tạo hình vùng mặt và sàn ổ mắt - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 13 x 38 mm, dày 3.0 mm hoặc 6.0 mm; 30 x 50 mm, dày 0.45 mm; 38 x 50 mm, dày 0.85 mm hoặc 1.5 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
333	Khăn trải bàn mayo hai lớp	Khăn trải bàn mayo hai lớp - Chất liệu nhựa - Được gia cố bán thấm ≥ 60 gsm, chỉ thấm mặt trên - Kích thước (80 - 90) x (145 - 150) cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2.300
334	Kim chích cầm máu dạ dày	Kim chích keo cầm máu dạ dày - Chất liệu bằng thép không gỉ - Chiều dài kim ≥ 6 mm - Đường kính kim khoảng 0.7 - 1 mm/19 - 22 G - Đường kính vỏ ngoài ≥ 2.3 mm - Vỏ ống kim trong suốt - Có khóa kim - Ống thông bên ngoài có đầu kim loại hình nón - Chiều dài làm việc ≤ 1600 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
335	Kim chích cầm máu dạ dày, đại tràng	Kim chích cầm máu dạ dày, đại tràng - Chất liệu thép không gỉ - Vỏ ống kim trong suốt - Có khóa kim - Ống thông bên ngoài có đầu kim loại hình nón - Chiều dài kim ≤ 4 mm - Đường kính kim khoảng 0.5 - 1 mm - Đường kính vỏ ngoài ≥ 1.8 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Chiều dài làm việc ≥ 2300 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	780
336	Kim đốt sóng cao tần điều trị nhân giáp, bướu giáp nhân lành tính	Kim đốt sóng cao tần điều trị nhân giáp, bướu giáp nhân lành tính - Kích thước: * Đường kính kim đốt 18G * Chiều dài kim đốt khoảng 70 - 100 mm * Chiều dài đoạn sinh nhiệt khoảng 5 - 10 mm - Bộ phận đi kèm: dây dẫn tín hiệu, cảm biến nhiệt độ và bộ phận làm mát kim đốt bằng nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích máy CoATherm AK-F200 tại Bệnh viện	Cái	120
337	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, 20G, 22G	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng polyurethane, không latex, không PVC, không DEHP - Kích cỡ 20G, 22G, dài khoảng 15 - 20 mm, chiều dài dây nối khoảng 25 - 30 cm - Cấu tạo kim gấp góc có đế cố định nối với dây nối - Có khóa kẹp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.200
338	Kim gấp dị vật dùng trong nội soi tiêu hóa	Kim gấp dị vật dùng trong nội soi tiêu hóa - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Độ mở rộng ngàm khoảng 11 - 15 mm - Kim tích hợp tay cầm, vỏ cách điện, ngàm răng chuốt kết hợp răng cá sấu - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	5
339	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 20G dài 100 ± 01 mm - Thân kim có chia vạch, hiển thị dưới siêu âm, mặt vát khoảng 30 - 40 độ, cách điện - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC tại Bệnh viện	Cái	1.100
340	Kim gây tê đám rối thần kinh 21G, 100 ± 01 mm	Kim gây tê đám rối thần kinh - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 21G, dài 100 ± 01 mm - Thân kim có chia vạch, mặt vát khoảng 30 - 40 độ, cách điện - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC tại Bệnh viện	Cái	400
341	Kim gây tê đám rối thần kinh 22G, 50 mm ± 01 mm	Kim gây tê đám rối thần kinh - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 22G, dài 50 ± 01 mm - Thân kim có chia vạch, mặt vát khoảng 30 - 40 độ, cách điện - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Có dây dẫn kích thích điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex Dig RC tại Bệnh viện	Cái	30

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
342	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm, cỡ 21G, dài 100 ± 01 mm	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Kim bằng thép không gỉ, cỡ 21G, dài 100 ± 01 mm - Thân kim có chia vạch, hiển thị dưới siêu âm, mặt vát khoảng 30 - 40 độ - Chuôi kim trong suốt, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	420
343	Kim gây tê tùy sống cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G	Kim gây tê tùy sống - Kim bằng thép không gỉ - Đầu kim cấu tạo 3 mặt vát - Chuôi kim trong suốt, có phản quang - Cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G, dài khoảng 85 - 90 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	14.000
344	Kim gây tê tùy sống, có cánh, cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G	Kim gây tê tùy sống, có cánh - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone - Đầu kim cấu tạo 3 mặt vát - Chuôi kim hình lăng trụ, có nhiều rãnh - Phần cánh giúp cố định kim khi bơm thuốc - Cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G, dài khoảng 85 - 90 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	4.700
345	Kim gây tê tùy sống, đầu kim bút chì 27G	Kim gây tê tùy sống - Kim gây tê tùy sống: * Bằng thép không gỉ * Cỡ 27G * Chiều dài khoảng 85 - 90 mm - Kim dẫn đường: * Bằng thép không gỉ * Cỡ 22G - Chiều dài khoảng 30 - 35 mm - Đầu kim dạng bút chì giúp giảm tổn thương mô - Chuôi kim trong suốt, có phản quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2.300
346	Thông lọng cắt polyp loại nhỏ	Thông lọng cắt polyp loại nhỏ, dùng cắt polyp, lấy stent đường mật - Chiều dài dụng cụ khoảng 280 - 290 cm - Độ mở thông lọng khoảng 8 - 10 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ khoảng 1 - 1.5 mm - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
347	Thông lọng cắt polyp, hình oval, xoay được	Thông lọng cắt polyp, hình oval, xoay được - Chiều dài làm việc khoảng 180 - 230 cm - Đường kính thông lọng có độ mở tối đa 35 mm - Đường kính vỏ ngoài của thông lọng tối đa 2.5 mm - Loại dây đơn sợi, sợi cắt mịn, dây bền - Tích hợp tay cầm xoay được 360° - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	270
348	Lưỡi cắt dùng trong phẫu thuật thanh quản	Lưỡi cắt dùng trong phẫu thuật thanh quản - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đầu cắt tù, không răng rưa, cong ≤ 15 độ - Đường kính khoảng 3.0 - 4.0 mm - Chiều dài lưỡi cắt khoảng 20 - 25 cm - Tốc độ hoạt động tối thiểu 60 vòng/phút - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy khoan model IPC tại Bệnh viện	Cái	4

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
349	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y bằng polyester, dài ≥ 40 cm	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y điều trị bắc cầu động mạch chủ, ngoại biên - Chất liệu bằng polyester - Đường kính 12 x 6 mm, 14 x 7 mm, 16 x 8 mm, 18 x 9 mm, 20 x 10 mm, 22 x 11 mm, 24 x 12 mm, chiều dài ≥ 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50
350	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc, kháng khuẩn, đường kính 6, 7, 8 mm, dài ≥ 60 cm	Mạch máu nhân tạo loại thẳng, điều trị bắc cầu động mạch ngoại biên - Chất liệu bằng polyester có tráng bạc, kháng khuẩn - Đường kính 6, 7, 8 mm, dài ≥ 60 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
351	Mạch máu nhân tạo loại thẳng bằng polyester, có tráng bạc, kháng khuẩn, đường kính 6, 7, 8 mm, dài ≥ 90 cm	Mạch máu nhân tạo loại thẳng, điều trị bắc cầu động mạch ngoại biên - Chất liệu bằng polyester có tráng bạc, kháng khuẩn - Đường kính 6, 7, 8 mm, dài ≥ 90 cm - Cấu tạo có vòng xoắn chống gấp, đè nén - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
352	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở bằng polyvinylidene fluoride, ngang ≥ 7 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở - Chất liệu polyvinylidene fluoride - Kích thước: + Ngang ≥ 7 cm + Dọc khoảng 10 - 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 16 N/cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	300
353	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở bằng polyvinylidene fluoride, ngang khoảng 5 - 7 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ mở - Chất liệu polyvinylidene fluoride - Kích thước: + Ngang khoảng 5 - 7 cm + Dọc khoảng 10 - 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 16 N/cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	150
354	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi bằng polypropylene, 10 x 15 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, có tính co giãn đa chiều - Chất liệu polypropylene - Kích thước 10 x 15 cm - Kích thước lỗ khoảng 1 - 2 mm - Trọng lượng khoảng 30 - 70 g/m ² - Có dây màu định hướng chiều của lưới - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	80
355	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 10 x 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 16 N/cm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	250

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
356	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi, bằng polyvinylidene fluoride, định hình 3D	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn nội soi - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 10 x 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 16 N/ cm - Định hình lưới 3D - Đường kẻ định hình không gian: có - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	250
357	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 15 x 20 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 15 x 20 cm - Trọng lượng khoảng 70 - 140 g/m² - Khả năng chịu lực ≥ 22 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt (chất liệu collagen hoặc cellulose hoặc titanium hoặc PVDF hoặc polyglactin 910) - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	35
358	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20 x 25 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 20 x 25 cm - Trọng lượng khoảng 70 - 140 g/m² - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt (chất liệu collagen hoặc cellulose hoặc titanium hoặc PVDF hoặc polyglactin 910) - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	25
359	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyester, chống dính, 20 x 30 cm	Mảnh ghép dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyester - Kích thước 20 x 30 cm - Trọng lượng khoảng 70 - 140 g/m² - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Chống dính 1 mặt (chất liệu collagen hoặc cellulose hoặc titanium hoặc PVDF hoặc polyglactin 910) - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	15
360	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn bằng polypropylene, 15 x 15 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene - Kích thước 15 x 15 cm - Trọng lượng khoảng 30 - 50 g/m² - Kích thước lỗ khoảng 1 - 2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	140
361	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 30 x 30 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước 30 x 30 cm - Trọng lượng khoảng 70 - 140 g/m² - Kích thước lỗ dưới 01 mm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	10

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
362	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 15 x 20 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu: polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 15 x 20 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	30
363	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 20 x 25 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 20 x 25 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	25
364	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, 20 x 30 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Kích thước 20 x 30 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	24
365	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride + polypropylene, chống dính, hình tròn đường kính khoảng 10 - 12 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) + polypropylene (PP) - Hình tròn, đường kính khoảng 10 - 12 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	15
366	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 15 x 25 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 15 x 25 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	20
367	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polyvinylidene fluoride, 20 x 30 cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polyvinylidene fluoride (PVDF) - Kích thước 20 x 30 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	10
368	Mặt nạ gây mê có van bơm	Mặt nạ gây mê có van bơm - Chất liệu PVC y tế - Có chỉ thị màu theo các cỡ. - Có nối đường kính 15 mm cho số 1, đường kính 22 mm cho các size 2, 3, 4, 5. - Mềm, có van bơm 1 chiều - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40.000
369	Miếng vá tạo hình gò má, các cỡ	Miếng vá tạo hình gò má, các cỡ - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng đến 50% thể tích toàn phần - Có mẫu định vị giúp ghép cân đối và chính xác - Kích cỡ 52 x 26 x 3.0 mm; 52 x 27 x 4.0 mm; 52 x 28 x 5.0 mm, trái/ phải - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
370	Mặt nạ thanh quản nguyên khối	Mặt nạ thanh quản 2 nòng nguyên khối, không cần bơm hay rút khí khi đặt - Chất liệu: nhựa dẻo, không chứa latex - Kích cỡ số 3, 4, 5, có nòng phụ để đặt sonde dạ dày thực quản - Mặt nạ dạng bản nguyên khối chống cắn ống - Trên thân ống thể hiện số kg và thể hiện vạch tối đa khi đặt - Co nối 15 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	45
371	Mặt nạ thanh quản bằng silicon, sử dụng ≥ 30 lần, các cỡ	Mặt nạ thanh quản 2 nòng, sử dụng nhiều lần, có tích hợp 1 nòng đặt sonde dạ dày - Chất liệu bóng chèn bằng silicon, không latex - Kích cỡ 1; 1,5; 2; 2,5; 3; 4; 5 - Thể tích bóng chèn khoảng 7 - 40 ml, tùy cỡ - Kích thước sonde dạ dày tương ứng khoảng 8 - 16 Fr - Thân ống được gia cố vòng lo xo bên trong giúp định hình ống và không bị gấp gây tắc nghẽn * Có 2 điểm chèn: - Điểm chèn 1 ở vị trí hầu họng, áp suất chèn khí trên 30 cmH2O - Điểm chèn 2 ở vị trí thực quản - Có nắp bảo vệ bóng chèn khi khử trùng - Tái sử dụng tối thiểu 30 lần - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	210
372	Miếng chống dính tự tiêu, 100 x 130 x 0.05 mm	Miếng chống dính tự tiêu - Chất liệu chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide - Kích cỡ 100 x 130 x 0.05 mm - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, chống dính sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	5
373	Miếng chống dính tự tiêu, 200 x 130 x 0.05 mm	Miếng chống dính tự tiêu - Chất liệu chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide - Kích cỡ 200 x 130 x 0.05 mm - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, chống dính sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	5
374	Miếng chống dính tự tiêu, 50 x 70 x 0.05 mm	Miếng chống dính tự tiêu - Chất liệu chất đồng trùng hợp của polymer L-lactide-co-D và polymer L-lactide - Kích cỡ 50 x 70 x 0.05 mm - Duy trì độ bền cơ học (lớn hơn 80%) trong 8 tuần đầu tiên sau phẫu thuật - Giúp ngăn cách hai bề mặt mô đối diện, chống dính sau phẫu thuật - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	2
375	Miếng lót phẫu thuật	Miếng lót phẫu thuật - Chất liệu bằng vải không dệt, bán thấm ≥ 45 gsm - Kích cỡ khoảng (80 - 90) x (120 - 130) cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	17.000
376	Miếng vá tạo hình	Miếng vá tạo hình - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 38 x 50 mm, dày 1.0 mm/1.7 mm ; 38 x 63 mm, dày 3.0 mm/6.0 mm; 50 x 50 mm, dày 2.0 mm - Kích cỡ sai số cho phép ± 10% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
377	Miếng vá tạo hình ống tai ngoài	Miếng vá tạo hình ống tai ngoài - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 35 x 53 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
378	Miếng vá tạo hình vành tai	Miếng vá tạo hình vành tai - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 50 x 60 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
379	Dao cắt hút dưới niêm mạc trong nội soi thực quản hoặc đại tràng	Dao cắt hút dưới niêm mạc có đầu cách điện dùng trong nội soi thực quản hoặc đại tràng - Chất liệu đầu cách điện bằng sứ - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Chiều dài dao khoảng 3.3 - 3.5 mm - Đường kính đầu cách điện ≤ 1.7 mm - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	15
380	Miếng vá tạo hình sọ mặt	Miếng vá tạo hình sọ mặt - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 50 x 76 mm dày 0.85 mm hoặc 1.5 mm - Kích cỡ sai số cho phép $\pm 10\%$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
381	Dây nối kép dùng trong truyền dịch nhanh	Dây nối kép dùng trong truyền dịch nhanh - Bằng nhựa trong, không chứa nhôm - Dây nối kép hình chữ Y dùng cho người bệnh dài khoảng 135 - 140 cm, có 2 khóa dạng trực lẫn - Đầu dây có khóa luer lock - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy truyền dịch nhanh Belmont RI-2 tại Bệnh viện	Cái	38
382	Dụng cụ chống mờ hơi nước	Dụng cụ chống mờ hơi nước - Thành phần gồm: Sodium lauryl ether sulfate 5 - 10%, Polyethylene Glycol -7-glyceryl cocoate 1 - 3% - Dung tích tối thiểu 5 ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	270
383	Stent kim loại dùng dẫn lưu mật từ ống gan trái qua dạ dày, dưới nội soi siêu âm	Stent kim loại dùng dẫn lưu mật ra dạ dày, tá tràng dưới nội soi siêu âm, phủ bán phần - Một đầu luer có phủ vỏ bao, đường kính khoảng 12 - 16 mm, có dây kéo - Đường kính thân stent ≤ 10 mm, có phủ vỏ bao - Đoạn cuối của stent không phủ vỏ bao để tránh làm tắc nghẽn các đường mật trong gan - Chiều dài stent khoảng 60 - 100 mm - Đường kính bộ đặt khoảng 7 - 9 Fr - Chiều dài bộ đặt tối thiểu 1700 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
384	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật tai, đường kính 0.5 - 6 mm	Mũi khoan kim cương dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu: Thân bằng thép không gỉ hoặc tương đương, đầu mũi khoan hình tròn bằng kim cương - Đầu mũi khoan hình tròn, đường kính: từ 0.5 đến 6 mm, chiều dài từ 50 đến 80 mm - Tương thích tay khoan indigo và máy khoan model IPC tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE	Cái	10

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
385	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật tai, đường kính 1 - 5 mm	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thân bằng thép không gỉ - Đường kính tối thiểu phải có 2, 3, 4 mm - Chiều dài khoảng 50 - 80 mm - Đầu mũi khoan hình tròn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích tay khoan điện EM200 và máy khoan model IPC tại Bệnh viện	Cái	15
386	Mũi khoan mài sụn sọ trước	Mũi khoan mài sụn sọ trước dùng trong phẫu thuật sụn sọ và phẫu thuật nội soi xoang mở rộng - Chất liệu thân bằng thép không gỉ - Đường kính khoảng 4 - 5 mm - Chiều dài khoảng 12 - 15 cm - Độ cong khoảng 15 - 20 độ - Đầu mũi khoan hình tròn, hình vuốt nhọn, hình viên đạn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy khoan model IPC tại Bệnh viện	Cái	5
387	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật sụn sọ	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật sụn sọ - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh - Đường kính khoảng 4 - 5 mm - Độ cong khoảng 15 - 20 độ - Mũi khoan dài khoảng 12 - 15 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy khoan model IPC tại Bệnh viện	Cái	5
388	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai đường kính khoảng 0.5 - 7 mm	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh, - Đường kính tối thiểu phải có 0.5, 1, 2, 3, 4, 5, 6 mm - Mũi khoan dài khoảng 50 - 80 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích tay khoan indigo và máy khoan model IPC tại Bệnh viện	Cái	66
389	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai đường kính khoảng 1 - 6 mm	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh - Đường kính tối thiểu phải có 1, 2, 3, 4, 5, 6 mm - Mũi khoan có chiều dài khoảng 50 - 80 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích tay khoan điện EM200 và máy khoan model IPC tại Bệnh viện	Cái	60
390	Ngáng miệng	Ngáng miệng dùng trong nội soi tiêu hóa: - Chất liệu: Polypropylene - Kích thước bên ngoài: 48 x 96 mm ($\pm$ 01mm) - Kích thước bên trong: 19 x 22 mm ($\pm$ 01mm) - Chất liệu dây giữ: Dây thun hoặc cao su - Chiều dài dây giữ $\geq$ 50 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	175.000

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
391	Ống cô lập phổi dùng thông khí một bên phổi	Ống cô lập phổi dùng thông khí một bên phổi - Chất liệu: ống bằng nhựa Polyvinylclorua (PVC), không Latex, không DEHP; bóng chèn làm bằng polyurethane - Đường kính 7 Fr - Chiều dài khoảng 70 - 80 cm - Bao gồm: * Một ống dẫn khí dài khoảng 70 - 80 cm, ống 1 nòng, có đầu xa hình chữ Y, trên hình Y có 2 bóng chèn phế quản trái và phải được mã hóa màu khác nhau. * Một co nối chữ Y dùng kết nối với ống nội khí quản chức năng là thông khí, có cổng vào cho ống nội soi hoặc ống hút đàm * Hai nắp đậy - Trên thân ống có vạch đánh dấu độ dài, có cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
392	Ống dẫn lưu đường mật, đường kính khoảng 14 - 20 Fr	Ống dẫn lưu đường mật - Chất liệu cao su tự nhiên, mềm, có tính kích thích mô để tạo đường hầm - Đường kính tối thiểu phải có 14, 16, 18, 20 Fr - Cấu tạo đầu ống bo tròn dễ luồn, chữ T - Cạnh ngang khoảng 20 - 22 cm, cạnh dọc khoảng 38 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	650
393	Dụng cụ cắt lọng thắt polyp dùng thắt polyp	Dụng cụ cắt lọng thắt polyp dùng để cắt đoạn cuối phần dây nylon dư ra sau thủ thuật thắt polyp - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Dụng cụ đã tích hợp với tay cầm nhựa - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	10
394	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da, dài khoảng 30 - 32 cm	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da - Chất liệu bằng thermoplastic polyurethane, được phủ 1 lớp ái nước, cân quang - Đường kính 8 - 16 Fr (tối thiểu phải có 8, 10, 12, 14 Fr) - Chiều dài khoảng 30 - 32 cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 4, kích thước lỗ ≥ 2 mm - Chiều dài đầu cong khoảng 5 - 10 cm - Cấu tạo phần đầu có thể uốn cong - Có đánh dấu chiều dài trên thân ống - Tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.80 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Kèm: kim chọc, trocar, bộ duỗi thẳng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	2.800
395	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da, dài khoảng 35 - 40 cm	Ống dẫn lưu đường mật, thận qua da - Chất liệu bằng polyurethane, cân quang - Đường kính tối thiểu phải có 8, 10, 12 Fr - Chiều dài khoảng 35 - 40 cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 8, kích thước lỗ ≥ 2 mm - Chiều dài đầu cong khoảng 5 - 10 cm - Cấu tạo phần đầu có thể uốn cong - Tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.8 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Kèm: bộ dụng cụ làm thẳng ống dẫn lưu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	160
396	Ống dẫn lưu ổ bụng, 24, 26 Fr	Ống dẫn lưu ổ bụng - Chất liệu bằng silicon mềm - Kích thước 24, 26 Fr - Chiều dài khoảng 500 - 550 mm - Có thể uốn cong - Có sọc cân quang - Có 6 lỗ bên - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.400

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
397	Ống dẫn lưu ổ bụng số 28	Ống dẫn lưu ổ bụng - Chất liệu bằng cao su tự nhiên - Kích cỡ số 28 - Có 6 lỗ nằm dọc theo chiều dài của ống để tránh nghẹt và tăng khả năng dẫn lưu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.800
398	Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ	Ống dẫn lưu vết mổ - Chất liệu silicon - Loại tròn hoặc dẹt, các cỡ, độ dài khoảng 60 - 125 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với "Bộ đặt dẫn lưu vết mổ áp lực âm, 450 - 500 ml" tại danh mục mời thầu	Cái	2.200
399	Mặt nạ thanh quản 2 nòng	Mặt nạ thanh quản 2 nòng, dùng 1 lần - Chất liệu: nhựa Polyvinylclorua (PVC) mềm, không Latex - Kích cỡ tối thiểu phải có 1, 1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5 - Thể tích bóng chèn khoảng 5 - 45 ml, có nòng phụ để đặt sonde dạ dày thực quản - Có 2 điểm chèn: + Điểm chèn 1: ở vị trí hầu họng, áp suất chèn khí trên 30 cmH2O + Điểm chèn 2 ở vị trí thực quản - Co nổi 15 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	90
400	Ống nội soi mềm, đường kính 2 - 2.5 mm	Ống nội soi mềm - Một vỏ bọc nhựa - Đường kính ống soi khoảng 2 - 2.5 mm (7 - 8 Fr) - Kích thước kênh làm việc khoảng 1 - 1.2 mm (3 - 4 Fr) - Độ phân giải 400 x 400 Pixels - Góc uốn: -285° ~ +285° - Chiều dài làm việc khoảng 630 - 650 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	120
401	Ống nối máy thở	Ống nối máy thở - Chất liệu: Polypropylene - Chiều dài điều chỉnh được tối đa 150 mm (có dẫn theo ý người sử dụng), khoảng chết khoảng 20 - 40 ml - Co nổi dạng khuỷu tay (co L), xoay 360 độ - Có cổng hút đàm đường kính khoảng 7 - 8 mm, có nắp đậy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15.000
402	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng	Cannula mạch máu dùng trong tưới trực tiếp mô tạng - Chất liệu PVC - Đầu ống khoảng 2.8 - 3 mm, dài khoảng 5 - 5.5 cm - Thân có chấn phóng xạ, đầu nối vặn xoắn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
403	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng, cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái, phải)	Ống thông chèn khí phế quản 2 nòng trái, phải - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC), mềm, không latex - Kích cỡ: 35, 37, 39, 41 Fr (trái, phải) - Đặc điểm: + Ống thông phế quản 2 nhánh có màu phân biệt trái, phải. Thân ống có đường cân quang, có đánh số chiều dài + Bóng chèn khí quản thể tích lớn áp lực thấp < 27 cmH2O an toàn khi lưu lâu, hạn chế tổn thương. Bóng phế quản có vạch cân quang xác định vị trí bóng. Có mã hóa màu để phân biệt 2 loại bóng chèn. - Đối với ống thông khí phế quản bên phải: Thiết kế 02 bóng chèn phế quản tạo điều kiện thuận lợi cho việc định vị ống vào phế quản phải - Phụ kiện kèm theo: cây dẫn đường, co chữ Y, dây hút đàm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	160

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
404	Ống thông dẫn lưu đường mật loại hình đuôi heo	Ống thông dẫn lưu đường mật, loại hình đuôi heo - Gồm 01 stent đuôi heo và 01 ống định vị được lắp sẵn vào nhau. - Chất liệu: Polyethylen (PE) - Stent có thể đặt trên cơ thể đến ≤ 29 ngày - Có cán quang trên thân stent - Lỗ thông hơi mỗi bên stent ≥ 4 lỗ - Chiều dài khoảng 3 - 15 cm - Đường kính khoảng 7 - 10 Fr (tối thiểu phải có 7, 10 Fr) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	80
405	Ống thông dẫn lưu đường mật trong nội soi mật tụy ngược dòng	Ống thông dẫn lưu đường mật trong nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP), dạng thẳng - Chất liệu nhựa Ethylene Vinyl Acetate - Đầu hình nón, có vạt và lỗ bên để giữ vị stent không bị trôi và chống tắt stent, có thể nhìn thấy rõ được dưới tia X - Đường kính stent ≥ 10 F - Chiều dài giữa 2 vạt khoảng 50 - 180 mm (tối thiểu phải có 50, 70, 90, 120, 150 mm) - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 3.7 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	150
406	Ống thông đặt nông niệu quản, tán sỏi qua da bằng polyurethan, cỡ 6, 7, 8 Fr, dài 80 - 90 cm	Ống thông đặt nông niệu quản, tán sỏi qua da - Chất liệu bằng Polyurethan - Kích cỡ 6, 7, 8 Fr - Chiều dài khoảng 80 - 90 cm - Cấu tạo trơn láng, 5 mắt, đầu mở, thẳng, có vạch chia chiều dài - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	180
407	Sợi truyền quang dùng điều trị suy giãn tĩnh mạch hiển	Sợi truyền quang dùng điều trị suy giãn tĩnh mạch hiển - Kích thước: * Chiều dài dây khoảng 2.5 - 3 m * Đầu tip khoảng 1 - 2 mm - Đầu tip phát quang phóng tia tỏa tròn 360° 1 vòng hoặc 2 vòng góc lệch 60° so với trục sợi quang - Bước sóng khoảng 1400 - 1500 nm - Độ dày 400 μm, 600 μm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích máy NeoV 1470 tại Bệnh viện	Cái	1.050
408	Ống thông đốt tĩnh mạch đóng nhanh ít xâm lấn	Ống thông đốt tĩnh mạch đóng nhanh ít xâm lấn - Chiều dài dây khoảng 60 - 100 cm - Chiều dài đầu phát nhiệt tối thiểu 7 cm, phù hợp với dây dẫn 0.025" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
409	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng polyurethan, cỡ 6, 7, 8 Fr, dài khoảng 25 - 30 cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nông niệu quản - Chất liệu bằng Polyurethan - Kích cỡ 6, 7, 8 Fr - Chiều dài khoảng 25 - 30 cm - Cấu tạo đầu mở, cán quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3.580
410	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng silicone, cỡ 6, 7 Fr, dài, khoảng 25 - 30 cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nông niệu quản - Chất liệu bằng silicone - Kích cỡ 6, 7 Fr - Chiều dài khoảng 25 - 30 cm - Cấu tạo đầu mở, cán quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	450

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
411	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng silicone, cỡ 6 Fr, dài 15 - 20 cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nong niệu quản, ghép thận - Chất liệu bằng silicone - Kích cỡ 6 Fr - Chiều dài khoảng 15 - 20 cm - Cấu tạo đầu mở, cân quang, kèm dây đẩy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
412	Ống thông khí cho hòm nhĩ	Ống thông khí cho hòm nhĩ - Chất liệu bằng Fluoroplastic - Có hình trụ - Đường kính trong ống khoảng 1 - 1.5 mm - Đường kính trong mặt bích khoảng 2 - 3 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	90
413	Ống dẫn lưu có khoá hình đuôi heo	Ống dẫn lưu có khoá hình đuôi heo - Chất liệu Polyurethane - Có phủ lớp ái nước - Có vạch cân quang - Có ≥ 4 lỗ thoát - Kích thước lỗ ≥ 2 mm - Có khoá hình đuôi heo - Kích cỡ tối thiểu phải có 6, 8, 10, 12 Fr - Chiều dài khoảng 15 - 30 cm - Bộ phận đi kèm: 1 cannula kim loại, 1 cannula nhựa cứng, 1 kim trocar, 1 ống duỗi thẳng, 1 ống thông có khoá hình dạng đuôi heo. - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khoá ở phía đuôi ống dẫn lưu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Bộ	25
414	Que tán sỏi điện thủy lực	Que tán sỏi điện thủy lực - Chất liệu nhựa và kim loại - Kích thước: * Đường kính khoảng 4 - 5 Fr * Chiều dài dây khoảng 500 - 600 mm * Chiều dài đầu que tán sỏi khoảng 4 - 5 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy tán sỏi điện thủy lực	Cái	45
415	Rọ lấy sỏi 4 dây, xoay được	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ - Rọ có 4 dây tích hợp tay cầm, cấu tạo đầu rọ có núm hình hạt đậu, xoay được - Không cần dùng dây dẫn hướng, có phần kết nối cố định với ống soi - Chiều dài làm việc ≥ 1900 mm - Đường kính rọ ≥ 22 mm - Tương thích với tay cầm tán sỏi cấp cứu, có kênh bơm tưới rửa hoặc bơm thuốc cân quang - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	5
416	Bình CO2 dùng cho băng ghim bắn liên tục	Bình CO2 dùng cho băng ghim bắn liên tục - Tương thích với tay cầm mã PL604R, PL606R của hãng Aesculap tại Bệnh viện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	540
417	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ 3 Fr	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản - Chất liệu Nitinol - Kích cỡ 3 Fr - Chiều dài dây khoảng 90 - 120 cm - Đường kính 12 - 15 mm - Độ mở rọ 30 - 35 mm - 4 dây, hình xoắn ốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	285

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
418	Sợi truyền quang dùng điều trị sỏi niệu quản đùng điều trị sỏi niệu quản, kích thước 272 µm	Sợi truyền quang dùng điều trị sỏi niệu quản - Chất liệu: Lõi sợi bằng thạch anh - Kích thước 272 µm - Chiều dài khoảng 2.8 - 3 m - Mức năng lượng phù hợp tối đa 70 W - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích máy tán sỏi 65 W laser Raykeen tại Bệnh viện	Sợi	15
419	Sợi truyền quang dùng điều trị sỏi niệu quản, kích thước 550 µm	Sợi truyền quang dùng điều trị sỏi niệu quản - Chất liệu: Lõi sợi bằng thạch anh - Kích thước 550 µm - Chiều dài khoảng 2.8 - 3 m - Mức năng lượng phù hợp tối đa 125 W - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích máy tán sỏi 65 W laser Raykeen tại Bệnh viện	Sợi	24
420	Miếng vá tạo hình mũi	Miếng vá tạo hình mũi - Chất liệu Polyethylene - Cấu tạo: các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần - Kích cỡ 29 x 19 x 6.0 mm; 35 x 26 x 9.0 mm - Kích cỡ sai số cho phép ± 10% - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
421	Stent kim loại đường mật	Stent kim loại đường mật dùng trong trường hợp u, hẹp đường mật lành tính, ác tính - Chất liệu Platinol - Đường kính stent khoảng 9 - 11 mm - Chiều dài stent khoảng 40 - 80 mm - Đường kính bộ đặt stent ≥ 8 Fr, tương thích dây dẫn ≤ 0.035" - Stent không có vỏ bao hoặc có vỏ bao, có vỏ bao bán phần với 2 đầu không có vỏ bao, đầu stent hơi lồi hình nón, có thể thu hồi stent sau 12 tháng, cân quang 100% - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	8
422	Stent kim loại đường mật có màng bọc permalume phủ 1 phần stent	Stent kim loại đường mật - Chất liệu Platinol, có màng bọc permalume phủ 1 phần bên ngoài stent - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại khoảng 60 - 100 mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn khoảng 8 - 10 mm * Chiều dài dụng cụ khoảng 60 - 80 cm, đường kính catheter khoảng 8 - 10 Fr - Cấu tạo 2 đầu stent có nhiều vòng xoắn chống di lệch stent, cấu trúc ô đóng, stent có thể thu gọn để tái định vị vị trí trong quá trình bung stent khoảng 60 - 80% - Có 3 điểm cân quang trên catheter (đầu - giữa - đuôi stent) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035"	Cái	18
423	Stent kim loại đường mật có màng bọc bằng silicone, có nhiều lỗ trên màng bọc	Stent kim loại đường mật - Chất liệu bằng Nitinol, có màng bọc bằng silicone có nhiều lỗ trên màng bọc - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại khoảng 40 - 120 mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn khoảng 8 - 10 mm * Chiều dài dụng cụ khoảng 50 - 180 cm, đường kính catheter khoảng 8 - 10 Fr - Cấu tạo 2 đầu stent có nhiều vòng xoắn chống di lệch stent, stent có thể thu gọn để tái định vị vị trí khi bung stent khoảng 60 - 80% - Có 3 điểm cân quang trên catheter (đầu - giữa - đuôi stent) - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035"	Cái	12
424	Kim dùng tiêm chất làm đầy, cỡ kim khoảng 23 - 25G, dài 50 ± 01 mm	Kim dùng tiêm chất làm đầy - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, phủ silicon, có nắp đậy - Cỡ kim khoảng 23 - 25G, dài 50 ± 01 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cây	378

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
425	Tấm điện cực trung tính kèm dây	Tấm điện cực trung tính kèm dây - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày ≥ 0.150 cm - Viên bán cực được bao quanh bằng lớp keorylic - Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC - Tương thích với các hệ thống dao mổ điện - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab tại bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	9.000
426	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo bằng polypropylene	Tấm nâng điều trị sa tạng chậu qua ngã âm đạo - Chất liệu bằng polypropylene - Kích thước thân giữa khoảng (6 - 7) x (7 - 9) cm, có 6 nhánh - Trọng lượng khoảng 19 - 20 g/m² - Cấu tạo độ xấp trung bình khoảng 58 - 60% - Kích thước lỗ lưới khoảng (1.1 - 1.2) x (0.6 - 0.9) mm - Lực kéo sợi lưới > 72 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	20
427	Lưới điều trị tiểu không tự chủ bằng polypropylene, độ xấp khoảng 84 - 86%	Lưới điều trị tiểu không tự chủ - Chất liệu bằng polypropylene hay PVDF - Kích thước 1 cm x (35 - 50) cm - Cấu tạo độ xấp khoảng 84 - 86% - Độ dày sợi khoảng 0.14 - 0.16 mm - Kích thước lỗ lưới khoảng (1.30 - 1.32) x (0.43 - 0.46) mm - Kháng lực > 55 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	24
428	Lưới điều trị tiểu không tự chủ bằng polypropylene, độ xấp khoảng 90 - 93%	Lưới điều trị tiểu không tự chủ - Chất liệu bằng polypropylene hay PVDF - Trọng lượng khoảng 20 - 22 mg/m² - Cấu tạo độ xấp trung bình khoảng 90 - 93%, mắt lưới cấu trúc lục giác, kích thước khe hở các sợi đan khoảng 100 - 150 μm - Lực kéo sợi lưới ≥ 16 N/cm - Độ bền tối ưu 113 N - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20
429	Tay dao cắt đốt đơn cực 3 chấu	Tay dao cắt đốt đơn cực 3 chấu - Đầu đốt bằng thép không gỉ, tay cầm bằng nhựa - Đường kính khoảng 2.3 - 2.4 mm, đầu dao hình kiếm, dây nối dài khoảng 3 - 3.5 m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích với máy ValleyLab, Erbe hiện có tại bệnh viện	Cái	44.500
430	Thanh nâng ngực	Thanh nâng ngực định hình biến dạng lồng ngực - Chất liệu bằng thép không gỉ - Cấu tạo 2 đầu bo tròn, nhỏ thon, có lỗ và khắc ở 2 đầu, các khắc ở 2 đầu được bo tròn, không răng cưa - Kích thước: * Chiều ngang 10 mm, dài khoảng 20 - 26 cm * Chiều ngang 13 mm, dài khoảng 28 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
431	Bộ thanh nâng ngực, kèm ốc vít	Bộ thanh nâng ngực định hình biến dạng lồng ngực, dùng trong điều trị dị tật lõm ngực, lồi ngực bẩm sinh và các dị tật vừa lõm vừa lồi - Bộ thanh gồm 2 thanh ghép thành 1 cặp nẹp cố định vào thành ngực bằng ốc vít theo phương pháp sandwich - Chất liệu: titanium - Thanh đỡ có bề dày khoảng 2.5 mm - 3.5 mm ở mỗi bên có 3 lỗ - Thanh nẹp có bề dày khoảng 1.5 mm - 2.5 mm ở mỗi bên có rãnh và lỗ - Thanh đỡ và thanh nẹp mỗi thanh đều kèm 2 ốc vít - Kích thước mỗi thanh khoảng 20 - 40 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	200

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
432	Thiết bị xilanh, áp kế	Thiết bị xilanh, áp kế - Bao gồm xilanh và đồng hồ đo áp lực đồng bộ, có dây nối với bóng nong - Tương thích với tay cầm tích hợp bơm bóng và tán sỏi cùng hãng - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	20
433	Thông lộng cắt polyp ống tiêu hóa	Thông lộng cắt polyp ống tiêu hóa - Dây bện cứng - Lõi được cấu tạo bằng ≥ 7 sợi dây bện - Đường kính ngoài của dây khoảng 0.01 - 0.02 inch - Đường kính ≥ 2.4 mm - Chiều dài ≥ 240 mm - Thông lộng khoảng 10 - 25 mm - Có thể kết hợp cắt nóng và cắt lạnh - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	390
434	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - 3 tiêu cự - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	60
435	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu, điều chỉnh lão thị	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu kết hợp công nghệ kéo dài tiêu cự : - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Bờ sau vuông 360 độ được xử lý mờ, chống chói - Lọc tia UV và ánh sáng tím - Dải độ: +5.0D đến +34D, bước nhảy 0.5D - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
436	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, điều chỉnh loạn thị	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, điều chỉnh loạn thị: - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ vuông 360 độ được xử lý mờ chống chói - Công suất điều chỉnh loạn từ 1.0D đến 8.0D - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	30
437	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, dạng phiến	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Dạng phiến - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	525
438	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, nhuộm vàng	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ sau vuông - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Nhuộm vàng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
439	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, quang sai thấp	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, quang sai thấp - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ sau vuông 360 độ, được xử lý mờ, chống chói - Dải độ từ +5D đến +34D, bước nhảy 0.5D - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	900

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
440	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 5 - 5.5 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	2.265
441	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 11 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 11 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	1.200
442	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 12 - 12.5 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 12 - 12.5 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	2.408
443	Vật liệu cầm máu dùng cầm máu sau phẫu thuật mũi xoang	Vật liệu cầm máu dùng cầm máu sau phẫu thuật mũi xoang - Chất liệu bằng Hydroxilated Poly-Vinyl Acetate - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 7 cm * Chiều rộng: ≥ 2 cm * Chiều cao (đầy): ≥ 1.5 cm - Được nén kép, không bị vụn - Có khả năng tương thích sinh học và cầm máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	3.730
444	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 10 cm	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu - Chất liệu bằng sợi rayon cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3), tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22µm - Trọng lượng ≥ 6 mg/cm² - Lượng Cacboxyl (COOH) $\leq 25\%$ - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 10 cm * Chiều rộng: ≥ 20 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	4.740

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
445	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 2.5 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng bông ép Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng $\geq 10 \text{ mg/cm}^2$ - Lượng Cacboxyl (COOH) $\leq 25\%$ - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 2.5 cm * Chiều rộng: ≥ 5 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	550
446	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 5 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng bông ép Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng $\geq 10 \text{ mg/cm}^2$ - Lượng Cacboxyl (COOH) $\leq 25\%$ - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	1.090
447	Vật liệu cầm máu, dạng bông gòn, tự tiêu, chiều dài ≥ 5 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng dạng bông xốp Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, dạng bông gòn có nhiều lớp, có thể tách ra nhiều lớp, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ, bám tốt vào mô chảy máu, tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng $\geq 26 \text{ mg/cm}^2$ - Lượng Cacboxyl (COOH) $\leq 25\%$ - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	3.930
448	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, bằng gelatin	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng gelatin, dạng xốp, độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so kích thước sản phẩm, tự tiêu sau 4 tuần - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 7 cm * Chiều rộng: ≥ 5 cm * Chiều cao (dày): ≥ 1 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	11.540
449	Vật liệu cầm máu xương, 70 - 75% sáp ong	Vật liệu cầm máu xương - Thành phần tối thiểu 70% sáp ong và tối thiểu 25% chất làm mềm (vaseline hoặc paraffin) - Trọng lượng $\geq 2.5 \text{ gr}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	2.856
450	Vật liệu cầm máu xương, $\geq 85\%$ sáp ong	Vật liệu cầm máu xương - Thành phần sáp ong $\geq 85\%$ và isopropyl Palmitate $\geq 10\%$ - Trọng lượng $\geq 2.5 \text{ gr}$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Miếng	1.800

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
451	Vật liệu thay thế chỉ khâu	Vật liệu thay thế chỉ khâu dùng khép miệng vết thương và gia cố lực kéo căng khép miệng vết thương - Bằng sợi polyester + Rayon phủ keo Acrylate, không kích ứng - Kích cỡ: + chiều ngang khoảng 12 - 15 mm + chiều dài khoảng 100 - 120 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	1.300
452	Vôi soda	Vôi soda dùng hấp thụ khí CO2 trong gây mê - Thành phần $\leq 3\%$ sodium hydroxide, $\leq 97\%$ calcium hydroxide - Vôi soda chuyển từ hồng sang trắng, cỡ hạt trong hạt 2.5 - 5.0 mm - Đạt tiêu chuẩn dược điển Mỹ, độ cứng > 75 - Thùng tối thiểu 5 lít - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Lít	8.905
453	Xương con thay thế xương bàn đạp	Xương con thay thế xương bàn đạp - Chất liệu nhựa fluoroplastic - Cấu tạo phần đầu có dạng hình vòng chữ C, phần thân thẳng hình trụ - Chiều dài phần thân khoảng 3.5 - 8 mm - Đường kính trong của vòng chữ C khoảng 0.6 - 0.8 mm - Đường kính của phần thân hình trụ khoảng 0.4 - 0.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	36
454	Kim sinh thiết dùng 1 lần, cỡ 18, 20G	Kim sinh thiết - Kích cỡ tối thiểu phải có 18, 20G, dài khoảng 15 - 20 cm, độ dài mẫu khoảng 17 - 20 mm - Cấu tạo: Cán kim mã hóa màu để dàng xác định số kim, đầu kim cán tia X-ray - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	20
455	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 10-0, dài ≥ 20 cm, 2 kim thẳng, dài 16 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, khâu treo thủy tinh thể vào củng mạc - Chỉ bằng Polypropylene, số 10-0, dài ≥ 20 cm - 2 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 16 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	12
456	Stent kim loại đường mật không có màng bọc phủ bên ngoài stent	Stent kim loại đường mật - Chất liệu Platinol, không có màng bọc phủ bên ngoài stent - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại khoảng 60 - 100 mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn khoảng 8 - 10 mm * Chiều dài dụng cụ khoảng 60 - 80 cm, đường kính catheter khoảng 8 - 10 Fr - Cấu tạo 2 đầu stent có nhiều vòng xoắn chống di lệch stent, cấu trúc ô đóng, stent có thể thu gọn để tái định vị vị trí trong quá trình bung stent khoảng 60 - 80% - Có 3 điểm cân quang trên catheter (đầu - giữa - đuôi stent) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035"	Cái	27
457	Chỉ thép khâu xương bánh chè	Chỉ thép khâu xương bánh chè - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 7, dài ≥ 60 cm - 1 kim tam giác, dài 120 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	tép	744
458	Miếng lau dầu đốt	Miếng lau dầu đốt giúp làm sạch và loại bỏ mô trên đầu dao điện trong quá trình phẫu thuật - Bề mặt nhám - Mặt sau dính - Có thể phát hiện bởi X-quang - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 45 mm * Chiều rộng: ≥ 45 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8.350

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
459	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường bằng polyurethane, cỡ 9 Fr, dài 10 ± 01 cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường - Catheter bằng polyurethane, cản quang - Cỡ 9 Fr, dài khoảng 10 ± 01 cm - Dây dẫn lò xo tối đa 0.035", dài khoảng 45 - 50 cm, 1 đầu thẳng, 1 đầu cong chữ J - Đi kèm: 1 kim dẫn 18G, dài khoảng 6.3 - 6.5 cm, 1 bơm tiêm 5 ml, 1 cây nông, 1 catheter bảo vệ chống nhiễm khuẩn dài khoảng 80 ± 02 cm, 1 nắp đậy không lỗ, 3-4 miếng gạc 4 x 4". Có đường dẫn để đặt catheter. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	88
460	Tấm điện cực trung tính dùng cho trẻ em	Tấm điện cực trung tính dùng cho trẻ em - Chất liệu: Hydrogel PolyHesive, Acrylic adhesive loại điện cực theo dõi và cảnh báo độ tiếp xúc - Kích thước: vùng hoạt động khoảng 70 - 75 cm², tích hợp dây dẫn dài khoảng 2.5 - 3.0 m - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	400
461	Tấm điện cực trung tính	Tấm điện cực trung tính - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày ≥ 0.150 cm - Viên bản cực được bao quanh bằng lớp keorylic - Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	14.050
462	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, dài ≥ 40 cm, 2 kim, 1/2 C, dài 48 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp - Chỉ bằng Polyester, dài ≥ 30 cm, phủ Polybutylate, được dệt thành băng dệt, dày khoảng 4 - 5 mm. - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, băng thép không gỉ, dài 48 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	162
463	Điện cực dán theo dõi độ mê, các cỡ	Cảm biến theo dõi độ mê, các cỡ - Tấm đệm cảm biến được làm từ bọt xốp - Số kênh hoạt động: ≥ 4 - Điện cực hoạt động: ≥ 4 - Thời gian sử dụng: ≥ 24 giờ - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy Masimo tại Bệnh viện	Cái	620
464	Ống thông pezzet, kích cỡ khoảng 16 - 26 Fr	Ống thông pezzet - Chất liệu: cao su tự nhiên - Kích cỡ tối thiểu phải có 16, 18, 20, 22, 24 Fr - Chiều dài khoảng 40 - 50 cm - Đặc tính: đầu ống hình quả bí, có tối thiểu 3 lỗ thông - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	190
465	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, dài ≥ 90 mm, kim 29G, dài 60 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ: Polydioxanone, dài ≥ 90 mm - Có nút xốp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ đơn xoắn dọc thân kim, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Thân kim bằng thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu nhọn, dài 60 mm, 29G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cây	800
466	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, dài ≥ 50 mm, kim 29G, dài 38 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ: Polydioxanone, dài ≥ 50 mm - Có nút xốp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ đơn xoắn dọc thân kim, thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng - Thân kim bằng thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu nhọn, dài 38 mm, 29G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cây	1.500

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
467	Kẹp cầm máu sử dụng 1 lần dùng trong nội soi tiêu hóa	- Kẹp cầm máu dùng trong nội soi tiêu hóa - Cấu tạo góc của răng khoảng 90 - 140 độ - Chiều dài tổng của kẹp khi đóng và rời khỏi thân khoảng 11 - 15 mm - Độ mở kẹp khoảng 13 - 16 mm - Có lớp vỏ bao phủ toàn bộ thân kẹp - Chiều dài dụng cụ ≥ 2100 mm - Dụng cụ đã tích hợp với tay cầm nhựa, sử dụng 1 lần - Kẹp cầm máu đúng vị trí nhờ chức năng đóng và mở nhiều lần - Có thể xoay 360 độ theo 2 chiều - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	13.650
468	Dụng cụ nong đường tiêu hóa trên	- Dụng cụ nong đường tiêu hóa trên - Chất liệu nhựa trong suốt - Tổng chiều dài ≤ 35 mm - Đường kính nong thứ 1: ≥ 7 mm - Đường kính nong thứ 2: ≥ 8 mm - Tương thích với đường kính ống soi khoảng 5 - 10 mm - Đầu tip có 3 lỗ: 1 lỗ trung tâm đi dây dẫn, 2 lỗ bên để hút và tưới - Đường kính lỗ trung tâm ≤ 1.5 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	7
469	Dụng cụ gấp mô hoại tử, huyết khối, dị vật đường tiêu hóa	- Dụng cụ gấp mô hoại tử, huyết khối, dị vật đường tiêu hóa - Ngâm gấp bằng nhựa trong suốt - Chiều dài ngâm ≥ 11 mm - Góc mở ngâm ≥ 145 độ - Độ mở ngâm ≥ 28 mm - Tương thích với đường kính ống soi khoảng 9 - 11 mm - Đường kính lỗ đầu ngâm ≥ 1 mm - Chiều dài làm việc ≥ 165 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	7
470	Dụng cụ bổ sung kênh làm việc cho ống nội soi tiêu hóa	- Dụng cụ bổ sung kênh làm việc cho ống nội soi tiêu hóa - Đường kính kênh làm việc bổ sung ≥ 3 mm - Tương thích đường kính ống soi khoảng 8 - 14 mm - Chiều dài làm việc ≥ 120 cm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	7
471	Nắp đầu ống soi	- Nắp đầu ống soi - Đường kính ngoài khoảng 11 - 15 mm - Khoảng cách đến đầu ống soi ≥ 7 mm - Đường kính trong ≥ 7 mm - Có rãnh dẫn, có lỗ - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40
472	Kẹp cầm máu ngâm đôi	- Kẹp cầm máu ngâm đôi - Kẹp có trụ trung tâm, hai bên là hai ngàm có thể hoạt động độc lập - Kẹp có độ mở ≥ 15 mm, sử dụng 1 lần - Chiều dài làm việc ≥ 160 cm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 3.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
473	Dao cắt bằng điện cao tần	Dao cắt bằng điện cao tần: 3 trong 1 dùng cắt, bóc tách và cầm máu trong qui trình cắt dưới niêm mạc (ESD) - Hàm có răng để kẹp màng niêm mạc - Hàm xa có thể xoay - Cạnh ngoài cách nhiệt - Chiều dài ngâm khoảng 3.5 - 5 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1800 mm - Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ ≥ 2.8 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
474	Stent kim loại dẫn lưu túi mật có tích hợp đầu đốt	Stent kim loại dẫn lưu túi mật có tích hợp đầu đốt - Stent kim loại tự bung, có màng bọc phủ hoàn toàn - Đầu stent kết hợp vòng điện nhiệt và dây cắt tạo đường hầm, 2 vành ngoài vuông góc áp sát cố định các lớp mô và ngăn di lệch stent - Đường kính stent khoảng 5 - 7 mm - Đầu stent lồi khoảng 13 - 15 mm - Chiều dài sử dụng khoảng 7 - 9 mm - Đường kính bộ đặt stent ≥ 9 Fr - Chiều dài bộ đặt khoảng 130 - 150 cm - An toàn trong MRI - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	3
475	Stent kim loại dẫn lưu nang giả tụy có tích hợp đầu đốt	Stent kim loại dẫn lưu nang giả tụy có tích hợp đầu đốt - Stent kim loại tự bung, có màng bọc phủ hoàn toàn - Đầu stent kết hợp vòng điện nhiệt và dây cắt tạo đường hầm, 2 vành ngoài vuông góc áp sát cố định các lớp mô và ngăn di lệch stent - Đường kính stent khoảng 14 - 16 mm - Đầu stent lồi khoảng 23 - 25 mm - Chiều dài sử dụng khoảng 9 - 11 mm - Đường kính bộ đặt stent ≥ 10 Fr - Chiều dài bộ đặt khoảng 130 - 150 cm - An toàn trong MRI - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	8
476	Stent kim loại thực quản	Stent kim loại thực quản - Chất liệu nitinol - Điểm đánh dấu cân quang ở 2 đầu và ở giữa thân stent ≥ 5 điểm - Đường kính stent khoảng 18 - 24 mm - Đường kính đầu lồi khoảng 22 - 28 mm - Chiều dài stent khoảng 80 - 160 mm - Có 2 loại bộ đặt stent: đầu gần và đầu xa, chiều dài ≥ 70 cm - Tương thích dây dẫn $\leq 0.035''$ - Có thể chụp cộng hưởng từ - Từ trường tĩnh ≤ 3 Tesla - Bộ đặt stent có đến ≥ 3 ống đồng trục - Có khóa an toàn trên tay cầm bộ đặt. - Các dải đánh dấu cân quang nằm trên các ống bên trong và bên ngoài - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
477	Stent kim loại đại tràng	- Stent kim loại đại tràng - Chất liệu nitinol - Stent loại không có vỏ bao - Đường kính stent khoảng 20 - 24 mm - Đường kính đầu lọc khoảng 24 - 28 mm - Chiều dài stent khoảng 60 - 120 mm - Điểm đánh dấu phóng xạ ≥ 3 điểm - Bộ đặt stent loại đầu xa, chiều dài ≥ 230 cm - Tương thích dây dẫn $\leq 0.035''$ - Có thể chụp cộng hưởng từ - Từ trường tĩnh ≤ 3 Tesla - Bộ đặt stent có đến ≥ 3 ống đồng trục - Có khóa an toàn trên tay cầm bộ đặt - Các dải đánh dấu cản quang nằm trên các ống bên trong và bên ngoài - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2
478	Ống nội soi mềm, đường kính 4.5 - 5 mm	- Ống nội soi mềm - Một vỏ bọc nhựa, lõi bằng kim loại - Chiều dài làm việc khoảng 360 - 380 mm - Đường kính ống soi khoảng 4.5 - 5 mm - Độ rộng kênh làm việc khoảng 2 - 2.2 mm - Mật độ điểm ảnh khoảng 160.000 - 170.000 Pixels. Độ sâu trường ảnh tối thiểu 5mm - Góc uốn khoảng -180° - $+210^\circ$ - Có nút điều khiển chụp ảnh, quay video - Thời gian sử dụng tối thiểu 3 giờ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	ống	200
479	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene + Titan-dioxide, 10 x 15 cm	- Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu Polypropylene (PP) + Titan-dioxide - Kích thước 10 x 15 cm - Khả năng chịu lực ≥ 32 N/ cm theo chiều dọc, ≥ 22 N/ cm theo chiều ngang - Có dây màu định hướng chiều của lưới - Trọng lượng khoảng 30 - 50 g/m² - Kích thước lỗ lưới 3.0 x 2.8 mm - Đóng gói riêng lẻ, không gấp đôi - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	20
480	Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, 19G, 20G, 22G	- Kim dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da - Chất liệu kim bằng thép không gỉ, dây nối bằng PVC, không latex - Kích cỡ 19G, 20G, 22G - Đường kính kim khoảng 0.5 - 1.5 mm - Chiều dài của kim khoảng 15 - 20 mm - Tương thích môi trường MRI - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	50
481	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ 1.9 Fr	- Rọ lấy sỏi - Chất liệu Nitinol - Kích cỡ 1.9 Fr - Độ mở rọ khoảng 10 - 12 mm - 4 dây - Chiều dài khoảng 130 - 140 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
482	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng percuflex, cỡ 6, 7 Fr, dài 25 - 30 cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nong niệu quản - Chất liệu bằng Percuflex - Kích cỡ khoảng 6, 7 Fr - Chiều dài khoảng 25 - 30 cm - Cấu tạo đầu mở, cân quang, kèm cây đẩy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	300
483	Stent niệu quản	Stent niệu quản - Đường kính stent khoảng 8 - 10 mm - Chiều dài stent khoảng 80 - 120 mm - Thiết kế thân stent lực hướng tâm cao và lòng bên trong lớn - Stent được bao phủ hoàn toàn bởi một polyme, lớp phủ được thiết kế để ngăn ngừa quá trình tăng trưởng lớp niêm mạc, giảm sự đóng cặn, hình thành sỏi và vôi hóa. - Marker chẩn bức xạ ở trên stent cho phép đặt dưới nội soi hoặc huỳnh quang - Thiết kế mỏ neo giảm dịch chuyển - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10
484	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, đơn sợi, số 0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn < 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhón, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	120
485	Lưỡi dao bào da	Lưỡi dao bào da dùng trong phẫu thuật ghép da: - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài 160 mm (± 3 mm) * Chiều rộng 20 mm (± 2 mm) * Bề dày 0.25 mm (± 0.2 mm) - Đặc tính: hình chữ nhật, có 3 lỗ để gắn vào cán dao bào - Tương thích với cán dao Watson - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	50
486	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu kéo dài tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu kéo dài tiêu cự: - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ sau vuông 360 độ, được xử lý mờ, chống chói - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 50 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Tăng cường tầm nhìn trung gian - Dải độ từ +5D đến +34D, bước nhảy 0.5D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
487	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 3 mảnh	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba mảnh đơn tiêu - Chất liệu: Phần quang học Acrylic, phần càng bằng chất liệu Polymethylmethacrylate (PMMA) - Càng chữ C, bờ sau vuông - Chỉ số sắc sai ≥ 50 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	50

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
488	Tay dao phẫu thuật Plasma	Tay dao phẫu thuật Plasma - Lưỡi dao dài tối đa 10 mm tính từ đầu xa của trục - Tay cầm có 2 nút: một để kích hoạt năng lượng plasma và một nút để kích hoạt năng lượng sóng cao tần - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 10 - 40°C + Tỷ lệ dòng khí gas: + Tối thiểu: 1.0 L/phút + Tối đa: 5.0 L/phút - Có kèm miếng dán điện cực trung tính - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	15
489	Mực dùng cho máy phun xăm	Mực dùng cho máy phun xăm các màu - Không chứa parabens - Thể tích ≥ 10ml - Tiêu chuẩn sản xuất ISO hoặc tiêu chuẩn CE	lọ	50
490	Kim dùng trong phun xăm	Kim dùng trong phun xăm - 1 kim, kim được dập với những đường vân bên hông kim chạy song song ở thân kim, có khóa ở đáy kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	200
491	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 30 mm, kim 30G, dài 25 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 30 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 25 mm, 30G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Sợi	300
492	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 50 mm, kim 29G, dài 38 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 50 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 38 mm, 29G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Sợi	300
493	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 170 mm, kim 18G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 2, dài ≥ 170 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, dài 100 mm, 18G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Sợi	60
494	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 90 mm, kim 23G, dài 60 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 90 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 60 mm, 23G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Sợi	20
495	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 7-0, dài ≥ 30 mm, kim 30G, dài 25 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 7-0, dài ≥ 30 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, dài 25 mm, 30G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Sợi	100
496	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 400 mm, kim 19G, dài 100 mm	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chỉ polydioxanone, số 2, dài ≥ 400 mm - 2 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 100 mm, 19G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Sợi	20
497	Điện cực dán theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho người lớn	Cảm biến theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho người lớn - Tấm đệm cảm biến tổng hợp, không chứa latex - Thiết kế bước sóng 4 bên, đo mao mạch bằng ánh sáng cận hồng ngoại - Sử dụng cho người bệnh có trọng lượng ≥ 40 Kg - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy hãng Masimo tại Bệnh viện	Cái	755

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
498	Cảm biến theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho trẻ em	Cảm biến theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho trẻ em - Tấm đệm cảm biến tổng hợp, không chứa latex - Thiết kế bước sóng 4 bên, đo mao mạch bằng ánh sáng cận hồng ngoại. - Sử dụng cho người bệnh có trọng lượng < 40 Kg - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy hãng Masimo tại Bệnh viện	Cái	300
499	Ống thông chèn khí phế quản 2 nông, cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái, phải) kèm khóa bấm	Ống thông chèn khí phế quản 2 nông (trái phải) ,kèm khóa bấm - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC), mềm, không latex - Kích cỡ 28, 32, 35, 37, 39, 41 Fr (trái,phải) - Đặc điểm: + Ống thông phế quản 2 nhánh có màu phân biệt trái, phải. Thân ống có đường cân quang, có đánh số chiều dài + Kèm 2 khóa bấm khi cần cô lập từng bên phổi + Bóng chèn khí quản thể tích lớn áp lực thấp < 27 cmH2O an toàn khi lưu lâu, hạn chế tổn thương. Bóng phế quản có cân quang. Có mã hóa màu để phân biệt 2 loại bóng chèn. - Phụ kiện kèm theo: cây dẫn đường, co chữ Y, dây hút đàm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	380
500	Bơm tiêm truyền dịch tự động có chức năng người bệnh kiểm soát đau	Bơm tiêm truyền dịch tự động có chức năng người bệnh kiểm soát đau (PCA) - Chất liệu nhựa không Latex - Bao gồm: * 01 bơm chính, thể tích khoảng 100 - 120 ml * 01 bơm người bệnh điều chỉnh: Thể tích bơm tiêm 1ml với thời gian bơm thuốc cách nhau mỗi 10 phút/lần. - Tốc độ nền tối thiểu 1 ml/giờ - Cổng bơm thuốc vào là van một chiều - Có 2 lọc khí kích thước tối thiểu 0.2 µm - Phụ kiện kèm theo: nhãn để ghi thông tin, túi đựng bơm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	75
501	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi bằng polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 cm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 13 mm, 3/8 C, kim phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	756
502	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong phẫu thuật khâu cắt trĩ - Ghim bằng Titanium - Đường kính khoảng 32 - 34 mm, buồng chứa dịch trong suốt, thể tích buồng chứa mô lớn đến 27ml, thiết kế an toàn kép (chỉ bấm máy được khi gồm cả 2 điều kiện: đóng chặt máy với kim chỉ đến vùng xanh và mở khóa an toàn) - Đường kính lòng cắt ≥ 26 mm - Số lượng ghim ≥ 34 ghim - Chiều cao ghim mở ≥ 3.8 mm, chiều cao ghim đóng khoảng 0.75 - 1.5 mm - Các bộ phận đi kèm: 01 ống nong hình tròn và 01 ống nong hình cánh bướm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	300
503	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở, lưỡi dao cong 20 - 25 độ	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở - Kích thước * Chiều dài thân khoảng 20 - 25 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong khoảng 20 - 25 độ - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy Valleylab FT10 tại Bệnh viện	Cái	10

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
504	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 50 - 60 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực Bao gồm: - Thân: * Thân: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành ngực, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 5 - 5.5 mm + Chiều dài khoảng 50 - 60 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	100
505	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, đường kính 10 - 11 mm, dài 50 - 60 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực Bao gồm: - Thân: * Thân: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành ngực, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 11 mm + Chiều dài khoảng 50 - 60 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Cái	100
506	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, dài ≥ 5 cm	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, mềm - Chất liệu bằng natri carboxymethyl cellulose ete hóa, thời gian cầm máu dưới 1 phút và độ pH trung tính, tự tiêu sau 2 tuần - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	200
507	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, dài ≥ 10 cm	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, mềm - Chất liệu bằng natri carboxymethyl cellulose ete hóa, thời gian cầm máu dưới 1 phút và độ pH trung tính, tự tiêu sau 2 tuần - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 10 cm * Chiều rộng: ≥ 20 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	20
508	Vật liệu cầm máu, dạng lưới, dài ≥ 5 cm, chiều rộng ≥ 35 cm	Vật liệu cầm máu dạng lưới, mềm - Chất liệu bằng natri carboxymethyl cellulose ete hóa, thời gian cầm máu dưới 1 phút và độ pH trung tính, tự tiêu sau 2 tuần - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 35 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	100
509	Mảnh ghép điều trị tiểu không kiểm soát	Mảnh ghép điều trị tiểu không kiểm soát - Chất liệu 100% Polyvinylidene Fluoride - Kích thước: ngang khoảng 01 - 02 cm, dọc khoảng 45 - 50 cm - Cấu trúc dệt vuông, bo viền - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
510	Lưới điều trị sa sinh dục	Lưới điều trị sa sinh dục qua ngã âm đạo - Chất liệu: polypropylene - Trọng lượng nhẹ ≤ 21 g/m ² - Độ xốp $\geq 93\%$, mắt lưới với cấu trúc lục giác - Kích thước khe hở các sợi đan khoảng 100 - 150 μ m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	20
511	Ống nối từ bộ phận bơm tới catheter	Ống nối từ bộ phận bơm tới catheter dùng đo áp lực bàng quang - Chất liệu: Polyvinylclorua (PVC) hoặc Silicon - Chiều dài khoảng 400 - 450 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150
512	Catheter đo áp lực 2 đường, cỡ 7 Fr, dài 45 - 50 cm	Catheter đo áp lực 2 đường, đầu thẳng dùng đo áp lực bàng quang - Chất liệu không latex - Kích thước 7 Fr - Chiều dài khoảng 45 - 50 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	120
513	Catheter đo áp lực ổ bụng bằng polyvinylclorua, cỡ 9 Fr, dài 45 - 50 cm	Catheter đo áp lực ổ bụng, đầu bóng - Chất liệu: Polyvinylclorua (PVC) hoặc Polyisoprene - Kích thước 9 Fr - Chiều dài khoảng 45 - 50 cm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	720
514	Bộ phận gắn đầu biến áp lực	Bộ phận gắn đầu biến áp lực để chuyển tín hiệu áp lực chính xác đến bộ phận cảm biến niệu dòng dùng đo áp lực bàng quang - Đầu nối: Male - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	260
515	Miếng dán điện cực có dây	Miếng dán điện cực có dây, dùng đo điện cơ vùng đáy chậu - Chất liệu: không latex - Dây dẫn đi kèm gồm 02 dây đỏ và 01 dây xanh, 3 dây nằm trên cùng một miếng dán - Miếng đệm là băng trong	Cái	400
516	Buồng làm ấm kèm dây thở có kiểm soát nhiệt, có phun khí dung	Buồng làm ấm và dây thở có kiểm soát nhiệt có cổng phun khí dung - Buồng làm ấm có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy khi đạt mức tối ưu - Buồng làm ấm có cổng gắn đầu phun khí dung với nắp đậy bằng silicone, tương thích với đầu phun khí dung của hãng Aerogen. - Dây thở có 2 vòng xoắn kép giúp vừa gia nhiệt cho khí thở, vừa cách nhiệt với môi trường bên ngoài hạn chế đọng nước lên đến 93% - Chiều dài dây thở tối thiểu 1.8 m - Dây thở có tích hợp sensor đo nhiệt độ cuối dây thở. Vòng xoắn gia nhiệt được tích hợp trên thành dây thở để giảm kích thước và trọng lượng cho dây đến 20% - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh - Tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P) của Bệnh viện - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	bộ	150
517	Ống thở oxy dành cho trẻ em tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2	Ống thở oxy dòng cao dành cho trẻ em. - Dây thở mềm, chống gập, chống rối - Có đệm dán cố định, không gây tổn thương da và tháo rời dễ vệ sinh được. - Thiết kế cannula ôm sát với mũi bé một cách ổn định. - Kích thước phù hợp cho trẻ từ 0.5 kg đến 30 kg - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy thở HFNC Airvo2 tại Bệnh viện	bộ	80
518	Bộ dây dẫn khí NO các cỡ	Bộ dây dẫn khí NO, các cỡ - Bộ dây bao gồm: * Ống nối giữa dây dẫn khí NO và dây máy thở đường kính từ 10 - 22 mm * Dây nối lấy mẫu phân tích có chiều dài khoảng 1.5 - 2 m kèm khóa luer lock để cố định với máy NO * Có ống nối giữa dây cấp khí NO và bình làm ấm của hệ thống máy thở * Có bộ lọc nước - Tương thích với máy cấp khí và theo dõi khí NO (NoxBoxi đang có tại BV) - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	bộ	10

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
519	Bộ dây dẫn khí dùng cho trẻ sơ sinh có kiểm soát nhiệt kèm bình làm ấm tự động	Bộ dây dẫn khí dùng cho trẻ sơ sinh có kiểm soát nhiệt kèm bình làm ấm tự động - Bộ dây thở với nhánh thở vào tích hợp trở nhiệt giúp giảm đọng nước. - Bình làm ấm ấm có thể tự làm đầy và tự ngắt khi đầy. - Chiều dài nhánh thở vào khoảng 1 - 1.2 m - Đoạn dây kết nối với bình làm ấm có cổng gắn nitric oxide khoảng 0.5 - 0.7 m - Có dây đo áp lực, các cơ nối phù hợp - Độ cản trở dòng trên dây thở tại 13 L/phút: ≤ 2 cmH₂O - Tương thích với máy thở không xâm lấn Acutronic và máy làm ấm MR850/MR810 của Bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	BỘ	25
520	Van thở CPAP	Van thở CPAP - Có tích hợp phần dự trữ khí, ống đo áp lực liên tục mà không cần ngắt quãng dòng khí thở - Có cổng kết nối phun khí dung - Phần đầu gọng mũi có thể thay đổi góc nghiêng phù hợp với từng đối tượng sử dụng - Áp lực CPAP khoảng 0 - 20 mbar - Độ ồn thấp ≤ 61 dB(A) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với Bộ dây dẫn khí dành cho NB sơ sinh có kiểm soát nhiệt kèm bình làm ấm tự động	Cái	25
521	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 11 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 11 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	300
522	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 12 - 12.5 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 12 - 12.5 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	500
523	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 5 - 5.5 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	500

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
524	Kim sinh thiết dùng 1 lần, cỡ 18 - 20G, dài 10 - 20 cm	Kim sinh thiết - Kích cỡ khoảng 18 - 20G, dài khoảng 10 - 20 cm, độ dài mẫu khoảng 17 - 20 mm - Cấu tạo: Cán kim mã hóa màu để dàng xác định số kim, đầu kim cán tia X-ray - Tương thích với súng sinh thiết Pro-Mag Ultra2.2 của Bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cây	20
525	Dao cắt vách nang giả tụy	Dao cắt vách nang trong dẫn lưu nang giả tụy - Đường kính dây dẫn dụng cụ 1.8 ± 1 mm - Chiều dài dụng cụ ≥ 2100 mm - Dây dẫn tương thích $\leq 0.035"$ - Có bộ kết nối với máy đốt điện - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	2
526	Stent kim loại dùng dẫn lưu nang giả tụy dưới nội soi siêu âm	Stent kim loại dùng dẫn lưu nang giả tụy dưới nội soi siêu âm, phủ toàn phần - Đường kính stent khoảng 12 - 14 mm - Đường kính 2 đầu stent loe hình nón có kích thước khoảng 24 - 26 mm - Chiều dài stent đoạn sử dụng khoảng 18 - 20 mm - Chiều dài toàn bộ stent ≥ 30 mm - Đường kính bộ đặt khoảng 9 - 11 Fr - Chiều dài bộ đặt ≥ 1700 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	5
527	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 30 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 30 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	4.572
528	Bộ gây tê ngoài màng cứng, cỡ 18G, không kèm bơm tiêm	Bộ gây tê ngoài màng cứng, không kèm khay đựng - Bộ gây tê bao gồm: * Kim bằng thép không gỉ, đầu cong, cỡ 18G, dài khoảng 80 - 90 mm * Catheter cỡ 20G bằng polyamid và polyurethan, dài khoảng 1000 - 1200 mm, đầu thuôn nhỏ dần, có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang ngầm - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Có bơm tiêm kiểm tra kháng lực - Màng lọc với kích thước lỗ lọc khoảng 0.1 - 0.2 μ m kèm miếng dán cố định bộ lọc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	300
529	Dụng cụ thay thế toàn bộ xương con	Dụng cụ thay thế toàn bộ xương con - Chất liệu Titan - Đầu tròn hoặc đầu 4 cạnh - Đường kính đầu khoảng 2.5 - 4 mm - Trục có thể tùy chỉnh chiều dài - Tổng chiều dài ≥ 10 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	cái	9

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
530	Bộ cấy ghép trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, mảnh, với nam châm không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≤ 1.5 Tesla	Bộ cấy ghép trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, mảnh - Bao gồm: + Cuộn cảm ứng: * Đường kính ≤ 31 mm * Độ dày ≤ 3.7 mm + Nam châm: * Chất liệu titanium * Độ dày ≤ 3.7 mm * Không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≤ 1.5 Tesla * Tháo rời được khi chụp cộng hưởng từ ≥ 3 Tesla + Khay chứa bộ thu/phát xung điện (thân máy): * Chất liệu Titanium * Kích thước ≤ 24 mm x 24 mm x 4 mm * Chiều dày khay: ≤ 4 mm * Trọng lượng 7 - 10 g bao gồm cả dây điện, chịu được lực va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện - Dây điện cực nằm trong ốc tai ≥ 22 điện cực - Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh - Khoảng cách giữa các điện cực khi thẳng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực khoảng 0.3 - 0.6 mm. - Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: ≤ 110 mm - Có kí hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai. - Tính năng an toàn: ID riêng biệt cho từng bộ cấy - Thời gian bảo hành ≥ 10 năm kể từ khi cấy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	10
531	Bộ cấy trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, mảnh, với nam châm không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≥ 3.0 Tesla	Bộ cấy trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, mảnh - Bao gồm: + Cuộn cảm ứng: * Đường kính ≤ 31 mm * Độ dày ≤ 3.9 mm + Nam châm: * Chất liệu titanium * Độ dày ≤ 3.9 mm * Không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≥ 3.0 Tesla + Khay chứa bộ thu/phát xung điện (thân máy): * Chất liệu Titanium * Kích thước ≤ 24 mm x 24 mm x 4 mm * Chiều dày khay: ≤ 4 mm * Trọng lượng 7 - 10 g bao gồm cả dây điện, chịu được lực va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện - Dây điện cực nằm trong ốc tai ≥ 22 điện cực - Số lượng kênh kích thích ≥ 22 kênh - Khoảng cách giữa các điện cực khi thẳng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực khoảng 0.25 - 0.6 mm. - Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: ≤ 110 mm - Có kí hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai. - Tính năng an toàn: ID riêng biệt cho từng bộ cấy - Thời gian bảo hành ≥ 10 năm kể từ khi cấy - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
532	Bộ cấy ghép trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, với nam châm không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng ≥ 3.0 Tesla	Bộ cấy ghép trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng - Bao gồm: + Cuộn cảm ứng: * Đường kính ≤ 31 mm * Độ dày ≤ 3.7 mm + Nam châm: * Bọc titan kín * Độ dày ≤ 3.7 mm * Tháo rời được * Không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng ≥ 3.0 Tesla + Khay chứa bộ thu/phát xung điện (thân máy): * Chất liệu Titanium * Kích thước ≤ 19 mm x 24 mm x 5.7 mm * Chiều dày khay: ≤ 4 mm * Trọng lượng 7 - 10 g * Chịu được lực va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J * Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện * Dây điện cực nằm trong ốc tai ≥ 12 điện cực * Số lượng kênh kích thích đồng thời ≥ 12 kênh * Số lượng nguồn điện độc lập ≥ 24 * Tốc độ kích thích ≥ 50.000 xung mỗi dây * Có kí hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai. * Tính năng an toàn: ID riêng biệt cho từng bộ cấy * Thời gian bảo hành ≥ 10 năm kể từ khi cấy * Tiệt khuẩn * Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	3
533	Bộ cấy trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng, với nam châm không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≤ 1.5 Tesla	Bộ cấy trong ốc tai điện tử, loại điện cực thẳng - Bao gồm: + Cuộn cảm ứng: * Đường kính ≤ 31 mm * Độ dày ≤ 3.7 mm + Nam châm: * Bọc titan kín * Độ dày ≤ 3.7 mm * Không cần tháo rời khi chụp cộng hưởng từ ≤ 1.5 Tesla + Khay chứa bộ thu/phát xung điện (thân máy): * Chất liệu Titanium * Kích thước ≤ 19 mm x 24 mm x 5.7 mm * Chiều dày khay: ≤ 4 mm * Trọng lượng 7 - 10 g * Chịu được lực va đập từ bên ngoài ≥ 2.5 J * Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện * Dây điện cực nằm trong ốc tai ≥ 12 điện cực * Số lượng kênh kích thích đến 12 kênh * Số lượng nguồn điện độc lập ≥ 24 * Tốc độ kích thích ≥ 50.000 xung mỗi dây * Có kí hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai. * Tính năng an toàn: ID riêng biệt cho từng bộ cấy * Thời gian bảo hành ≥ 10 năm kể từ khi cấy * Tiệt khuẩn * Tiêu chuẩn ISO	Bộ	3
534	Điện cực dán theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho người lớn, trẻ em	Điện cực dán theo dõi độ bão hòa oxy mô não, sử dụng cho người lớn, trẻ em - Chất liệu: không chứa latex, có phủ lớp keo dính không gây dị ứng - Cảm biến được thiết kế dạng miếng dán không chứa latex, không chứa PVC - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy INVOS 5100C tại bệnh viện	Cái	495
535	Đầu dò SpO2 sử dụng một lần, dùng cho trẻ sơ sinh	Đầu dò SpO2 sử dụng một lần, dùng cho trẻ sơ sinh - Không sử dụng cao su tự nhiên - Dài tối thiểu 1.5 m - Loại dán mu bàn chân - Độ chính xác: * Đối với SpO2 $\geq 80\%$: $\pm 2\%$ * Đối với SpO2 khoảng 70 - 80% : $\pm 3\%$ - Tương thích với monitor theo dõi người bệnh hãng Nihon Kohden tại bệnh viện	hộp	96

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
536	Tấm điện cực dùng cho máy sốc tim	Tấm điện cực dùng cho máy sốc tim - Chất liệu: Polyetylen - Chiều rộng khoảng 10 - 12 cm - Chiều dài khoảng 12 - 14 cm - Gel dính: Acrylic polymer ưa nước - Chiều dài dây nối tối thiểu 1.5 m - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với máy sốc tim mã TEC-5531K, TEC-5631 hãng Nihon Kohden tại bệnh viện	Bộ	170
537	Dung dịch nhuộm màu trong nội soi tiêu hóa	Dung dịch nhuộm màu trong nội soi tiêu hóa - Thành phần Indigo Carmine tối thiểu 0.8% - Tiệt khuẩn - Thể tích tối thiểu 10 ml - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	lọ	10
538	Kẹp giữ kim dùng trong thủ thuật khâu nội soi	Kẹp giữ kim dùng trong thủ thuật khâu nội soi - Bề mặt kẹp có khóa - Tay cầm tích hợp bánh cóc giúp cố định khóa - Lực kẹp có thể điều chỉnh - Vỏ kẹp truyền lực xoắn để xuyên qua niêm mạc - Độ mở: 2.5 ± 1 mm - Đường kính lỗ chèn tối đa 26 mm - Chiều dài làm việc khoảng 1600 - 2300 mm - Phù hợp ống soi đường kính kênh dụng cụ ≥ 3.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn EU (Châu Âu)	Cái	10
539	Kéo mổ nội soi cong, đường kính 5 mm, xoay 360 độ	Kéo mổ nội soi cong - Lưỡi kéo dài khoảng 15 - 17 mm - Đường kính thân 5 mm - Chiều dài thân: 30 - 33 cm - Loại: cong, cán không khóa - Có chốt gắn đốt điện đơn cực - Xoay 360 độ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	600
540	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ, số 2, dài ≥ 150 mm, 18G	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu Polydioxanone, số 2, chỉ dài ≥ 150 mm - Chỉ gai đều khắc với các mấu gai được thiết kế 2 hướng - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, dài 100 mm, cỡ 18G - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Sợi	300
541	Chất làm đầy nếp nhăn sâu, vùng môi và rãnh mũi má	Chất làm đầy nếp nhăn sâu, môi và rãnh mũi má - Thành phần: Hyaluronic Acid liên kết chéo 23 mg/ml - Lidocaine hydrochloride 0,3%, Dung dịch đệm Phosphate pH 7.3 vừa đủ. - Dạng gel, trong suốt - Thể tích ống tối thiểu 1 ml - 1 kim thẳng, 27G, bằng thép không gỉ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	40
542	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da chứa Hyaluronic Acid không liên kết chéo 18mg/ml	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da - Thành phần: Hyaluronic Acid không liên kết chéo 18mg/ml. Ổn định bằng Glycerol 20mg/ml. - 2 kim thẳng, 30G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Có khả năng phân hủy sinh học - Thể tích tối thiểu 1ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ống	5

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
543	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da chứa Hyaluronic Acid liên kết chéo 23 mg/ml	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da - Thành phần: Hyaluronic Acid liên kết chéo 23 mg/ml. Ổn định liên kết chéo BDDE ($\leq 2\text{ppm}$) - 2 kim thẳng, 27G, bằng thép không gỉ - Dạng gel, trong suốt - Có khả năng phân hủy sinh học - Hệ số đàn hồi: 195.000 mPa - Thể tích tối thiểu 1ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ống	5
544	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da chứa Hyaluronic Acid liên kết chéo 23mg/ml, Hệ số đàn hồi 400.000 mPa	Chất làm đầy dùng cho lớp sâu của da - Thành phần: Hyaluronic Acid liên kết chéo 23mg/ml. Ổn định liên kết chéo BDDE ($\leq 2\text{ppm}$) - 2 kim thẳng, 27G bằng thép không gỉ - Dạng gel trong suốt - Có khả năng phân hủy sinh học - Hệ số đàn hồi: 400.000 mPa - Thể tích tối thiểu 1ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	Ống	10
545	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ, số 1-0, dài ≥ 30 mm, 19G	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ Chất liệu Poly Caprolactone (PCL) chứa Vitamin C bên trong lõi - Chi 1-0, dài ≥ 30 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 19G, dài 40 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	sợi	20
546	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ, số 7-0, dài ≥ 10 mm, 31G	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu Polydioxanone - Số 7-0, dài ≥ 10 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, 31G, dài 12 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	sợi	125
547	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 40 mm, 29G	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ Chất liệu Poly Caprolactone (PCL) chứa Vitamin C bên trong lõi - Số 6-0, dài ≥ 40 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, 29G, dài 30 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	sợi	250
548	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 60 mm, 29G	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ: Poly Caprolactone (PCL) chứa Vitamin C bên trong lõi. - Số 6-0, dài ≥ 60 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, 29G, dài 40 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	sợi	250
549	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 55 mm, 25G	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu Polydioxanone, Số 6-0, dài ≥ 55 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 25G, kim 50 mm - Gồm tối thiểu 10 sợi chỉ quấn trong thân kim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	sợi	40
550	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ, số 6-0, dài ≥ 90 mm, 27G	Chi khâu liên kim dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu Poly Caprolactone (PCL) chứa Vitamin C bên trong lõi - Số 6-0, dài ≥ 90 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, 27G, dài 60 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	sợi	250

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
551	Chi khâu liền kim dùng trong thẩm mỹ, số 0, dài ≥ 200 mm, 18G	Chi khâu liền kim dùng trong thẩm mỹ Chất liệu chi: Poly Caprolactone (PCL) chứa Vitamin C bên trong lõi, sợi chỉ có gai - Chi số 0, dài ≥ 200 mm - 1 kim thẳng, bằng thép không gỉ, đầu tù, 18G, dài 100 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	sợi	60
552	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, số 12-0, dài ≥ 10 cm, 1 kim, dài 2.5 - 3 mm	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chất liệu Nylon hoặc Polypropylen, số 12-0, dài ≥ 10 cm - 1 Kim, bằng thép không gỉ, dài 2.5 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn ISO	Sợi	10
553	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 0, dài ≥ 90 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 67 N, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	500
554	Chi khâu tiêu, bằng collagen, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 35 cm, 2 kim, dài 12 mm, 3/8 C	Chi khâu tiêu, tự nhiên, đơn sợi - Chi bằng sợi collagen, số 4-0, dài ≥ 35 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 2 kim, kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 12 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tép	600
555	Tấm điện cực trung tính tương thích máy đốt Emed tại bệnh viện	Tấm điện cực trung tính - Kích thước 176 x 122 mm (± 01 mm), bề mặt hoạt động 110 cm ² - Có lớp keo hydro - Dạng chia đôi tấm điện cực - Tương thích máy đốt Emed tại bệnh viện - Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	100
556	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch, catheter dài khoảng 35 - 45 cm	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch - Catheter chất liệu polyurethan, không chứa latex - Kích cỡ 20G, dài khoảng 35 - 45 cm - Có buồng bảo máu - Kim dẫn đường kích cỡ 22G - Dây dẫn đường, đường kính 0.018" (0.46 mm), dây dẫn đường nằm trong ống - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	300
557	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 4-0, dài ≥ 90 cm, lực giữ vết mổ 60 - 70% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	540
558	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	270
559	Chi khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 11 mm, 3/8 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng polydioxanone, phủ chất kháng khuẩn triclosan, số 6-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài khoảng 11 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	270

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
560	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 11 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 3 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 11 mm, 3/8 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Tép	54
561	Bình đặt dẫn lưu vết mổ, khoảng 100 - 110 ml kèm ống dẫn lưu khoảng 120 - 125 cm	Bình đặt dẫn lưu vết mổ kèm ống dẫn lưu * Bình dẫn lưu: - Chất liệu bằng silicon - Dung tích khoảng 100 - 110 ml - Có van chống trào ngược, dạng bơm hút chân không - Có móc treo * Ống dẫn lưu: - Chất liệu bằng silicon - Kích thước 10 Fr, chiều dài khoảng 120 - 125 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	375
562	Ống thông dẫn lưu đường mật, tụy trong nội soi mật tụy ngược dòng, dạng thẳng	Ống thông dẫn lưu đường mật, tụy trong nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP), dạng thẳng - Chất liệu nhựa - 2 đầu hình nón, có vạt và lỗ bên để giữ vị stent không bị trôi và chống tắt stent, có thể nhìn thấy rõ được dưới tia X - Đường kính stent khoảng 5 - 7 Fr, phù hợp kênh dụng cụ ≥ 3.7 mm - Chiều dài stent khoảng 3 - 15 cm - Có > 4 lỗ thoát dịch - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	20
563	Ống thông dẫn lưu đường mật, tụy trong nội soi mật tụy ngược dòng, 1 đầu cong	Ống thông dẫn lưu đường mật, tụy trong nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP), dạng thẳng, có 1 đầu cong - Chất liệu nhựa - 1 đầu hình nón, có vạt và lỗ bên để giữ vị stent không bị trôi và chống tắt stent, có thể nhìn thấy rõ được dưới tia X - 1 đầu cong - Đường kính stent khoảng 5 - 7 Fr, phù hợp kênh dụng cụ ≥ 3.7 mm - Chiều dài stent khoảng 3 - 15 cm - Có > 4 lỗ thoát dịch - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	20
564	Chỉ thép điện cực, số 3-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 17 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài ≥ 85 mm	Chỉ thép điện cực - Chỉ bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 3-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, dài 17 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài ≥ 85 mm, thân kim có khắc bé để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Tép	252
565	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt tối thiểu 24 N, lực căng của chỉ giảm 50% sau 5 ngày, tiêu hoàn toàn sau 42 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken), dài 37 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	1.080
566	Chỉ khâu tiêu bằng polyglactin, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 67 N, lực giữ vết thương 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	tép	1.080

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
567	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi và mổ mở, cán dao dài khoảng 12 - 15 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi và mổ mở, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 20 - 25 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	cái	10
568	Sợi truyền quang dùng điều trị trĩ kèm cannula	Sợi truyền quang dùng điều trị trĩ kèm cannula - Chiều dài dây khoảng 2.5 - 3 m - Đường kính dây 600 μm - Đường kính đầu phát nhiệt khoảng 1.5 - 1.8 mm - Bước sóng khoảng 1400 - 1500 nm - Cannula: Kim 14G, dài 60 mm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích máy NeoV 1470 tại Bệnh viện	Cái	5
569	Sợi truyền quang dùng điều trị rò hậu môn	Sợi truyền quang dùng điều trị rò hậu môn - Chiều dài dây khoảng 2.5 - 3 m - Đường kính dây 600 μm - Đường kính đầu phát nhiệt khoảng 1.0 - 1.8 mm - Bước sóng khoảng 1400 - 1500 nm - Tiêu chuẩn sản xuất ISO - Tương thích máy NeoV 1470 tại Bệnh viện	Cái	5

